Khóa Học Tranh Biện

Sách bài tập Chuẩn bị

Cộng đồng Nalanđà

Cộng đồng Nalanđà

Khóa Học Tranh Biện
Sách bài tập Chuẩn bị

Ấn bản thứ bốn, 2026

Tất cả các tài liệu chính thức của Cộng đồng Nalanđà đều được phát miễn phí. Những tài liệu được sử dụng có sự cho phép từ các nguồn bên ngoài có thể không áp dụng chính sách này. Không tài liệu nào từ khóa học này được phép sử dụng vì mục đích thương mại.
Để tham khảo chính xác và truy cập các tài liệu chính thức, vui lòng truy cập: www.nalandastudy.org

Mục lục

Giới thiệu I

Hướng dẫn sử dụng Sách bài tập I

Cách sử dụng phần Đáp án gợi ý I

Phẩm tính của một người tranh biện thuần thục II

Quy ước về cách sử dụng tiếng Việt trong Tranh biện III

Thuật ngữ tranh biện: thuật ngữ và cách dùng IV

Phương pháp luận trong tranh biện: Các loại và cấu trúc VII

CHUẨN BỊ 1 **1**

Bốn Mệnh đề Bao hàm 3

Tổng quan về Bốn Mệnh đề Bao hàm 4

Bài tập 1: Luyện tập mệnh đề bao hàm 1 & 2 11

Bài tập 2: Luyện tập mệnh đề bao hàm 3 17

Bài tập 3: Luyện tập mệnh đề bao hàm 4 21

Bài tập 4: Luyện tập cả bốn mệnh đề bao hàm cùng nhau 25

Bài tập 5: Học qua vai trò lập giả 37

Tam đoạn luận và Hệ quả 47

Tổng quan về Tam đoạn luận và Hệ quả 48

Bài tập 6: Luyện tập nhuần nhuyễn tam đoạn luận 53

Bài tập 7: So sánh lập trường và mệnh đề bao hàm 55

Bài tập 8: Phương pháp tam đoạn luận 59

Bài tập 9: Kiểm tra dấu hiệu có được thành lập không 61

Bài tập 10: Kiểm tra xem có bao hàm không 65

Bài tập 11: Tranh biện về tam đoạn luận 69

BỘ MỤC LUYỆN TẬP **77**

Bộ mục: Mệnh đề bao hàm 79

Bộ mục: Tam đoạn luận 86
Bộ mục: Tam đoạn luận sai lầm 100

PHỤ LỤC 109

Ví dụ điển hình về Tranh biện lý luận 111
Bảng gian lận: Mệnh đề bao hàm 116
Bảng gian lận: Phân biệt 116
Bảng gian lận: Hệ quả 117
Lưu đồ: Phân biệt sự bao hàm 118
Lưu đồ: Mệnh đề bao hàm 120
Lưu đồ: Tam đoạn luận 121
Tranh biện Tây Tạng từng từ một 122

Giới thiệu

Hướng dẫn sử dụng Sách bài tập

Khóa học tranh biện trực tuyến của chúng tôi được thiết kế nhằm giúp bạn trở thành một người tranh biện thuần thục trong cả hai vai — Lập giả (người đưa ra luận chứng, LG) và Đối lập giả (người phản biện, ĐLG) — thông qua việc sử dụng phương pháp luận và thuật ngữ tranh biện chuẩn hóa.

Ở giai đoạn đầu, trọng tâm chính—trong cả khóa học lẫn sách bài tập—là làm chủ cấu trúc và kỹ thuật của hệ thống tranh biện, hơn là đi sâu ngay vào các chiều kích triết học của tư tưởng Phật giáo Nalanđà.

Tuy nhiên, sự chính xác trong việc sử dụng thuật ngữ tranh biện là điều thiết yếu ngay từ đầu. Cả khóa học và sách bài tập đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nắm vững hệ thống thuật ngữ chuẩn, bởi điều đó sẽ giúp bạn hiểu rõ toàn bộ cơ chế của hệ thống, và sau này có thể vận dụng một cách có ý nghĩa trong các khung tư duy hiện đại, kể cả bản thể học đương đại.

Ngoài ra, chúng tôi khuyến khích bạn sáng tạo và đưa vào những chủ đề biện luận riêng—cả trong các buổi thực hành có cấu trúc lẫn khi tự tổ chức luyện tập với bạn đồng học. Việc biện luận về những vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân sẽ giúp tăng cường động lực và nâng cao kỹ năng của bạn.

Cách sử dụng phần Đáp án gợi ý

Để hỗ trợ việc luyện tập, chúng tôi cung cấp “đáp án” cho những bài tập trong sách bài tập. Các đáp án này được trình bày như những lập trường để tranh luận, đặc biệt trong những trường hợp các diễn giải

hiện đại có thể khác biệt đáng kể so với các quan điểm truyền thống — vốn hình thành từ hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm trước.
Trong một số trường hợp khi ban biên tập không đạt được sự đồng thuận hoàn toàn, chúng tôi đã đưa vào nhiều cách trả lời khác nhau để phản ánh các quan điểm đa dạng ;-).
Phần đáp án này được biên soạn nhằm đưa ra định hướng và hỗ trợ cho người học khi bước vào địa hạt mới mẻ này. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến khích bạn tự mình suy tư và phản biện với từng bài tập, tạo ra kết luận được biện minh chặt chẽ của riêng mình. Hãy cố gắng tự mình hoàn thành bài tập trước khi tham khảo đáp án gợi ý. Việc chủ động tham gia và tư duy phản biện chính là cách hiệu quả nhất để làm sâu sắc hiểu biết của bạn.

Phẩm tính của một người tranh biện thuần thục

Trong hệ thống tranh biện Tây Tạng truyền thống, có câu nói:
“Lập giả giỏi nhất sở hữu tư duy tốc độ và sáng tỏ.
Đối lập giả giỏi nhất sở hữu tư duy rộng mở và thâm sâu”.

Bốn loại trí tuệ:

- **Trí tuệ tốc độ**: là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin mới một cách nhanh chóng—thường thấy ở người học mau hiểu, nắm bắt ý nghĩa chỉ qua ít lời giải thích.
- **Trí tuệ sáng tỏ**: là khả năng tư duy mạch lạc và có cấu trúc, giúp biểu đạt rõ ràng qua ngôn ngữ—đặc trưng của những người giảng dạy giỏi, có thể giải thích dễ hiểu các khái niệm phức tạp.
- **Trí tuệ thâm sâu**: là năng lực quán chiếu thâm nhập bằng tuệ giác bén nhạy—được xem là quý báu nhất trong truyền thống Phật giáo.

- **Trí tuệ rộng mở**: là khả năng hiểu một vấn đề từ nhiều góc độ đến từng lớp nghĩa vi tế nhất—thường thấy ở những người có trí nhớ tốt và sở hữu nhiều mối quan tâm học thuật khác nhau.

Vì không phải ai cũng bẩm sinh có đủ bốn loại trí tuệ này, chúng tôi mong bạn đối xử với bạn đồng học bằng sự kiên nhẫn và thiện tâm trong khi biện luận. Hãy nhớ rằng những năng lực này không cố định—tất cả đều có thể được rèn luyện và phát triển. Hệ thống tranh biện Tây Tạng được hình thành chính là để trau dồi và làm tăng trưởng bốn loại trí tuệ ấy, nếu người học nỗ lực thực hành bền bỉ.

Quy ước về cách sử dụng tiếng Việt trong Tranh biện theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng

Để phản ánh chính xác cấu trúc và ý định của biện luận Tây Tạng, chúng tôi lược bỏ các từ định lượng và từ phân loại – như *một*, *các*, *con*, *cái*, v.v. – biểu đạt ý nghĩa số ít và số nhiều, đồng thời chỉ loại của danh từ (con: cho người/động vật, cái: cho vật thể).

Trong tranh biện Tây Tạng, chủ từ tiêu chuẩn là "khyod", được dịch ở đây là "nó" cho đơn giản. Dù trong tiếng Việt, khi nói về người (ví dụ như Đức Đạt Lai Lạt Ma), thường dùng "ngài ấy", chúng tôi vẫn giữ "nó" để đảm bảo tính nhất quán ngữ pháp, dù người nói có thể linh hoạt khi phát biểu.

Trong một số trường hợp cụ thể, chúng tôi đã giữ nguyên các thuật ngữ tranh luận Tây Tạng gốc như *'musum'* và *'mushi'* để chỉ ba hoặc bốn chế độ, khớp nối hoặc khả năng, và *'Xà',* nghĩa đen là *'hoàn thành',* để chỉ một xung đột rõ ràng.

Thuật ngữ tranh biện: thuật ngữ và cách dùng

Hai vai chính trong tranh biện[1]:

- **Lập giả** – người đưa ra các mệnh đề hoặc câu hỏi trong hình thức có cấu trúc và giới hạn, nhằm thử thách đối lập giả.
- **Đối lập giả** – người phản hồi và bảo vệ lập trường của mình trong phạm vi được xác định.

Lập giả (LG)

Đối lập giả (ĐLG)

[1] Xin lưu ý rằng trong bất kỳ giai đoạn nào của buổi tranh biện, cả Lập giả lẫn Đối lập giả đều có quyền yêu cầu làm rõ nếu một mệnh đề hay phản hồi nào đó khi nghe không rõ hoặc chưa được hiểu tường tận.

Hệ quả[1] và câu đáp

1. **Hệ quả hai phần**
   - **1.1. Mệnh đề bao hàm** (tiếng Tạng: *khyab pa*)
     - Mệnh đề điều kiện: ***Nếu… + (thì)…***
     - Câu hỏi (LG): ***Chứng tỏ, nếu là âm thanh, thì là vô thường bao hàm.***
     - Câu đáp (ĐLG) :***- Đồng ý***
       - Tại sao
   - **1.2. Sở lập** (tiếng Tạng: *bsgrub bya*)
     - Mệnh đề lập trường hoặc tông: ***Hữu pháp + Vi pháp*** (tiếng Tạng: *dam bca'*)
     - Câu hỏi (LG): ***(Lấy) âm thanh làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là vô thường.***
     - Câu đáp (ĐLG): ***- Đồng ý***
       - Tại sao
2. **Hệ quả ba phần** (tiếng Tạng: *thal 'gyur*)
   - Tam đoạn luận: ***Hữu pháp + Vi pháp + Dấu hiệu***[2] (tiếng Tạng: *sbyor ba*)
   - Câu hỏi (LG): ***(Lấy) âm thanh làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là vô thường, vì (nó) là tác.***
   - Câu đáp (ĐLG): ***- Dấu hiệu không thành lập***
     - Không bao hàm
     - (Đồng ý)

---

[1] Các **mệnh đề** này được gọi là "**hệ quả**" (tiếng Phạn: **prasaṅga**) bởi vì chúng phát sinh từ sự thừa nhận hay tri thức trước đó của Đối lập giả.

[2] Trong buổi tranh biện, **hữu pháp** và **vi pháp** thường bị lược bỏ để ngắn gọn, nhưng một khi được đưa ra, chúng được hiểu là ngầm định xuyên suốt cuộc thảo luận trừ khi có sự thay đổi rõ ràng.

Các mệnh đề khác được Lập giả sử dụng

Khi Đối lập giả...	**Lập giả có thể nói...**
*Đáp "**Tại sao**" với mệnh đề bao hàm*	***Hãy kể / (Hãy) kể ra***
*Đáp "**Đồng ý**" hoặc "**Tại sao**" với mệnh đề khẳng định*	***(Lấy) [HP] làm hữu pháp, (chứng tỏ) nó là/không là [vi pháp] vì sao thế/tại sao?***
*Đáp "**Dấu hiệu không thành lập**" với hệ quả ba phần (và không chỉ ra rằng "[hữu pháp] không (phải) là [dấu hiệu]")*	***Trình bày / Tại sao dấu hiệu không thành lập?***
*Đáp "**Không bao hàm**" với hệ quả ba phần (nhưng không chỉ ra rằng "Nếu là [dấu hiệu], thì là [vi pháp] không bao hàm")*	***Trình bày / Tại sao không bao hàm?***
Trả lời quá chậm	***Chờ, chờ, chờ!*** *(thúc giục ĐLG trả lời nhanh hơn)*
Khi trong lúc trả lời hệ quả hai phần, Đối lập giả mâu thuẫn trực tiếp với mệnh đề hoặc định nghĩa được trích từ luận điển.	***Bởi đó là tôn ý của bậc thầy chúng ta!***
Tự mâu thuẫn với chính mình	***Xà!***

Phương pháp luận trong tranh biện: Các loại và cấu trúc

Hai loại tranh biện:

- **Tranh biện kiểm tra ghi nhớ:** Khi bắt đầu một chủ đề mới, Lập giả sẽ khởi động phần tranh biện kiểm tra ghi nhớ nhằm xác định xem Đối lập giả đã ghi nhớ được các định nghĩa có liên quan hay chưa, trước khi bước vào phần tranh biện lý luận.
  Một cách mở đầu thường thấy của Lập giả là: “Bạn không thể kể ra định nghĩa cho âm thanh”.
- **Tranh biện lý luận:** Từ điểm này, phần tranh biện thực thụ bắt đầu. Nhiệm vụ của Lập giả là khảo sát mức độ hiểu biết của Đối lập giả về các tánh tướng (định nghĩa) liên quan đến chủ đề mới, bởi điều này phản ánh cách Đối lập giả nhận thức mối liên hệ giữa các hiện tượng có liên quan.
  Lập giả cần khéo léo vận dụng các hệ quả như một phương tiện giúp Đối lập giả nhận ra và vượt qua các hiểu lầm, từ đó làm sâu sắc hơn sự hiểu biết của họ về đối tượng đang được tranh biện.

Cách Lập giả thiết kế cấu trúc một buổi Tranh biện lý luận:

1. Khảo sát mức độ hiểu biết của Đối lập giả về mối liên hệ giữa hai hiện tượng/vi pháp
   1.1. Xác định mối liên hệ thông qua mệnh đề lập trường
      - LG: ***(Lấy) [A] và [B] làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa.***
        *(hoặc nói ngắn **Phân biệt giữa [A] và [B]**)*
   1.2. Xác định sự không nhất quán[1] thông qua bốn mệnh đề bao hàm
      - LG: ***1. Chứng tỏ, nếu là [A], thì là [B] bao hàm (nó).***
        2. Chứng tỏ, nếu là [B], thì là [A] bao hàm (nó).
        3. Chứng tỏ, nếu là [A], thì không là [B] bao hàm (nó).
        4. Chứng tỏ, nếu không là [A], thì là [B] bao hàm (nó).
2. Sử dụng tam đoạn luận theo hệ quả một cách chiến lược để dẫn dắt đối lập giả tới một hiểu biết rõ ràng hơn hoặc chính xác hơn (một kỹ năng chủ yếu được phát triển trong mô-đun *Chuẩn bị 2*).

1 Chú thích: Ban đầu, những điểm thiếu nhất quán trong khi tranh biện thường phát sinh do hành giả chưa quen với thuật ngữ và cấu trúc của phép tranh biện. Tuy nhiên, khi đã nắm vững những điều này, các điểm thiếu nhất quán ấy thường để lộ ra những khiếm khuyết ẩn tàng hơn ở mỗi hành giả — ví dụ như những quan niệm sai lầm hoặc sự thiếu hiểu biết về cách các pháp hữu vi được định nghĩa.

CHUẨN BỊ 1

CHUẨN BỊ 1

Bốn Mệnh đề Bao hàm

Trong chương này của sách bài tập, chúng ta sẽ làm quen với việc phân biệt giữa hai vi pháp, và cách tranh biện thông qua việc vận dụng bốn mệnh đề bao hàm, hai dạng phản hồi, cùng việc nêu phản ví dụ.
Các bài thực hành được thiết kế nhằm hỗ trợ cả Lập giả và Đối lập giả theo ba phương diện:

- **Rèn luyện trí nhớ** – giúp bạn ghi nhớ và duy trì các cách hỏi đáp trong tranh biện.
- **Với Đối lập giả** – nhằm bảo đảm tính nhất quán giữa các câu đáp, sự phân biệt bạn dự đoán, và các ví dụ bạn đưa ra.
- **Với Lập giả** – giúp bạn nhanh chóng nhận ra những điểm bất nhất trong phản hồi của Đối lập giả đối với các mệnh đề bao hàm, sự phân biệt được dự đoán, và các ví dụ mà họ đưa ra.

Tổng quan về Bốn Mệnh đề Bao hàm

Trong tranh biện Tây Tạng, có bốn loại phân biệt mô tả sự khác nhau giữa hai hiện tượng:

Tương nghịch	**Đồng nghĩa**	**Musum**	**Mushi**
Không có gì - vừa là A và B	Có một thứ - vừa là A và B - không là A và B	Có một thứ - vừa là A và B - là A, nhưng không là B - không là A và B	Có một thứ - vừa là A và B - là A, nhưng không là B - là B, nhưng không là A - không là A và B
Ví dụ: chó / mèo	Ví dụ: núi / non	Ví dụ: ngựa / động vật	Ví dụ: vàng / bình

Thuật ngữ *mu* là một từ tiếng Tây Tạng có nghĩa là “mép” hoặc “khớp nối”, và trong bối cảnh này, nó là thuật ngữ chuyên môn dùng để chỉ những gì chúng ta có thể gọi là “khả năng” hoặc “cách thức” trong tiếng Việt.

Tương nghịch là khi không có gì có thể đồng thời là hai hiện tượng, ví dụ như chó và mèo, hoặc người và phi nhân. Nếu bạn là người học theo kiểu trực quan, hãy tưởng tượng biểu đồ Venn gồm hai vòng tròn không giao nhau — thể hiện rằng giữa A và B không có sự chồng lấp.
Đồng nghĩa là khi hai thứ hoàn toàn trùng nhau, được thể hiện bằng phần màu tím — vừa là hồng vừa là xanh. Ví dụ về cặp đồng nghĩa là núi và non, hoặc Phật và Thế Tôn.
Musum, hay ba mu, là khi một tập hợp con nằm trong một tập hợp lớn hơn. Gọi là musum vì ta có ba khả năng để mô tả mối quan hệ giữa A và B. Trong ví dụ ngựa và động vật, tập lớn hơn là động vật, bao gồm ngựa, nên mọi con ngựa tất nhiên là động vật, nhưng không phải mọi động vật đều là ngựa. Cái gì không thuộc cả hai, ví dụ xe hơi, là "cái thứ ba".
Mushi, hay bốn mu, là khi A và B giao nhau một phần. Trong trường hợp này, có bốn khả năng: Ví dụ vàng và bình: Bình vàng là cả vàng và bình. Nhẫn vàng là vàng nhưng không phải bình. Bình đất là bình nhưng không phải vàng. Cây thì không phải vàng cũng không phải bình.

Lưu ý: Trong trường hợp tương nghịch, trọng tâm chính là không có sự giao nhau; còn việc có hay không có một cái gì không thuộc cả A lẫn B chỉ được xét ở giai đoạn sau. Vì vậy, trong thực hành, tương nghịch thường được xem là *chỉ có một mu.*

Những loại phân biệt giữa các hiện tượng này được biểu đạt thông qua **bốn mệnh đề bao hàm** đã nêu ở trên:

1. **(**Chứng tỏ,) **nếu là A, thì là B bao hàm**
2. **(**Chứng tỏ,) **nếu là B, thì là A bao hàm**
3. **(**Chứng tỏ,) **nếu là A, thì không là B bao hàm**
4. **(**Chứng tỏ,) **nếu không là A, thì là B bao hàm**

Bốn mệnh đề bao hàm được Lập giả đưa ra nhằm xác định xem Đối lập giả đồng ý hay bác bỏ chúng thông qua hai cách đáp được phép: **"Đồng ý"** hoặc **"Tại sao".**
Cần lưu ý rằng trong biện luận Tây Tạng, sự phân biệt giữa câu trần thuật và câu hỏi mang tính linh hoạt. Các mệnh đề bao hàm của Lập giả, tuy được diễn đạt dưới dạng trần thuật, nhưng thực chất đóng vai trò của câu hỏi. Ngược lại, cách đáp "Tại sao" của Đối lập giả, tuy có hình thức là một câu hỏi, nhưng thực tế lại mang nghĩa phủ định — biểu thị sự không đồng ý hoặc bác bỏ.

Khi **hai mệnh đề bao hàm đầu tiên** được ***chấp nhận***, thì hai pháp được xem là đồng nghĩa — chúng ta còn gọi đây là **Bát Môn Bao Hàm**. Ban đầu, bát môn này được thiết lập để áp dụng cho *tánh tướng và sở tướng*, mà chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết ở giai đoạn sau. Hiện tại, chỉ cần vận dụng chúng cho mối quan hệ đồng nghĩa giữa A và B là đủ:

1. *có A → có B*	*Nếu **có** núi, thì **có** non bao hàm.*
2. *có B → có A*	*Nếu **có** non, thì **có** núi bao hàm.*
3. *không có A → không có B*	*Nếu **không có** núi, thì **không có** non bao hàm.*
4. *không có B → không có A*	*Nếu **không có** non, thì **không có** núi bao hàm.*
5. *là A → là B*	*Nếu **là** núi, thì **là** non bao hàm.*
6. *là B → là A*	*Nếu **là** non, thì **là** núi bao hàm.*
7. *không là A → không là B*	*Nếu **không là** núi, thì **không là** non bao hàm.*
8. *không là B → không là A*	*Nếu k**hông là** non, thì k**hông là** núi bao hàm.*

Tóm lại, bát môn bao gồm:

- 2 bao hàm có (tiếng Tạng: *yod khyab gnyis*),
- 2 bao hàm không có (tiếng Tạng: *med khyab gnyis*),
- 2 bao hàm là (tiếng Tạng: *yin khyab gnyis)*,
- 2 bao hàm không là (tiếng Tạng: *min khyab gnyis*).

Khi đề cập đến **mệnh đề bao hàm thứ ba**, nó liên quan đến khái niệm **điểm chung** hay **tập giao**. Phần này thường được minh họa bằng màu tím, vì màu tím có thể được hiểu là vừa mang đặc tính của màu hồng vừa mang đặc tính của màu xanh.

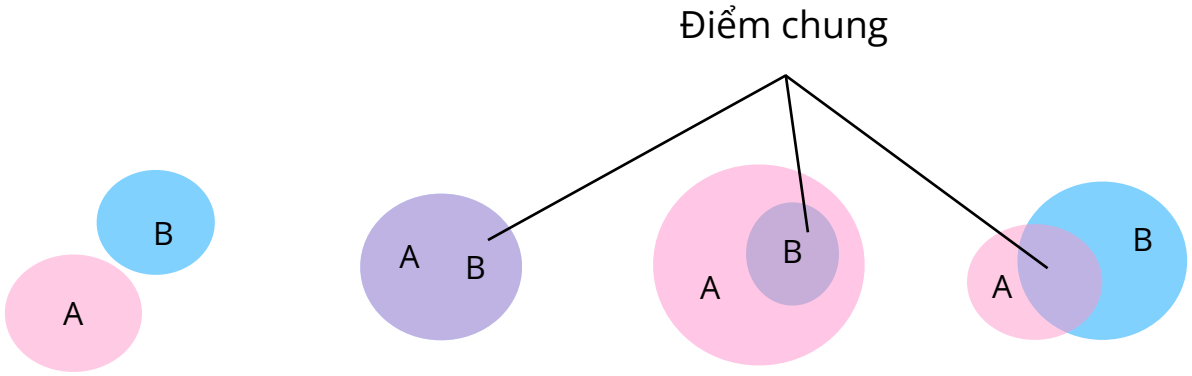

Trong tranh biện, khi ***không chấp nhận*** mệnh đề bao hàm thứ ba, "Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm", nghĩa là phát hiện một hiện tượng vừa là A vừa là B. Nói cách khác, A và B có thể là đồng nghĩa, ba mu, hoặc bốn mu — vì cả ba loại này đều có điểm chung.
Khi ***chấp nhận*** mệnh đề bao hàm thứ ba, A và B là tương phản, và không có điểm chung nào giữa chúng.
Khác với Bát Môn Bao Hàm đối với các hiện tượng bao hàm, nơi mà "bao hàm là" đồng nghĩa với "bao hàm có", thì sự tương đương này không đúng với các hiện tượng loại trừ: Mặc dù hai pháp loại trừ lẫn nhau có thể có nhiều đặc điểm giống nhau, nhưng chúng không có điểm chung, vì không có pháp nào vừa là cái này vừa là cái kia. Ví dụ, không có gì vừa là chó vừa là mèo, dù chó và mèo đều là động vật có vú.

Đối với **mệnh đề bao hàm thứ tư**, “Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm”, cần phải vận dụng **tư duy phi thông thường**.
Lần này, chúng ta xem xét liệu có thể đưa ra một hiện tượng thứ ba trong khuôn khổ của mình hay không. Nó được gọi là tư duy phi thông thường bởi vì “khung” được nới rộng để bao gồm tất cả những gì tâm có thể nghĩ tới, dù tồn tại hay không.
Khi ***không chấp nhận*** mệnh đề bao hàm thứ tư, nghĩa là phát hiện một hiện tượng không thuộc A cũng không thuộc B, ví dụ như cây, ở đây được gọi là **C**:

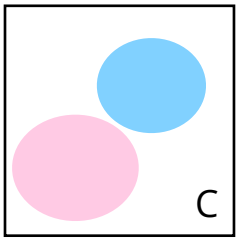

Ví dụ:
chó / mèo

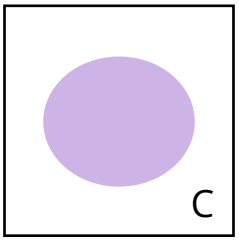

Ví dụ:
núi / non

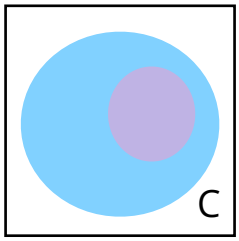

Ví dụ:
ngựa / động vật

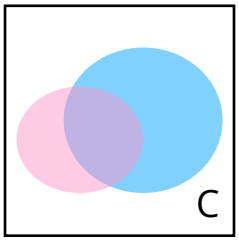

Ví dụ:
vàng / bình

Khi ***chấp nhận*** mệnh đề bao hàm thứ tư, nghĩa là không tìm thấy bất cứ hiện tượng nào không thuộc A cũng không thuộc B, nên không còn chỗ cho **C**:

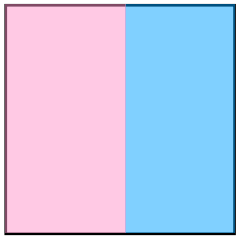

Ví dụ:
người / phi người

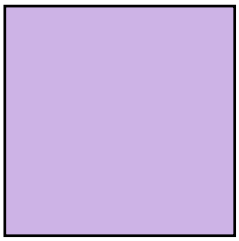

Ví dụ:
thứ gì tâm có thể nghĩ đến / thứ gì ta có thể tranh biện

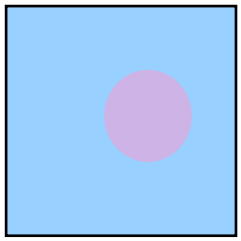

Ví dụ:
cây / thứ gì tâm có thể nghĩ đến

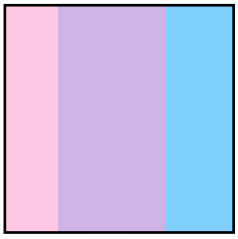

Ví dụ:
phi chó / phi mèo

Trong tranh biện, điều quan trọng là phải nắm vững bốn mệnh đề bao hàm với **cách phản hồi và ý nghĩa** (xem ở dưới và ***Phụ lục***). Việc này đảm bảo rằng trong mỗi buổi tranh biện, tất cả đều có sự hiểu biết rõ ràng và thống nhất về những gì đang được thảo luận.

Chứng tỏ, nếu...	***Tương nghịch***	***Đồng nghĩa***	***Musum***		***Mushi***
1. là A, thì là B bao hàm	*Tại sao*	*Đồng ý*	*ĐÝ*	*TS*	*Tại sao*
2. là B, thì là A bao hàm	*Tại sao*	*Đồng ý*	*TS*	*ĐÝ*	*Tại sao*
3. là A, thì không là B bao hàm	*Đồng ý*	*Tại sao*	*Tại sao*		*Tại sao*
4. không là A, thì là B bao hàm					
Đồng ý	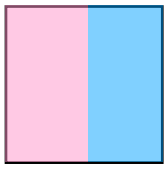	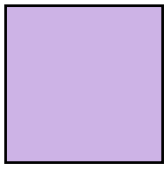	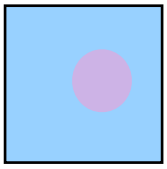		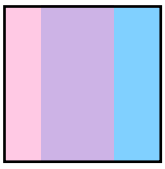
Tại sao	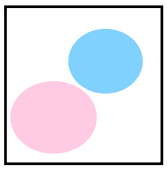	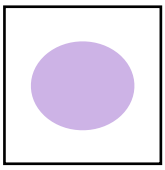	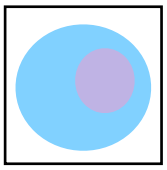		

Bài tập 1: Luyện tập mệnh đề bao hàm 1 & 2

Hướng dẫn: Chia thành nhóm gồm hai hoặc ba người và phân công vai trò: **Lập giả (LG)**, **Đối lập giả (ĐLG)**, và (nếu có) **Quan sát giả (Q)**. Làm việc với bộ mục ***Mệnh đề bao hàm*** hoặc tự tạo ví dụ của riêng mình. Thực hiện theo các **bước thực hành** cho đến khi tiến trình trở nên **tự nhiên**; nếu một bước quá dễ, bạn có thể bỏ qua.

Bước 1	
LG	bắt đầu bằng: **Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm**
ĐLG (Q)	• Nếu không thể nghĩ ra một ví dụ A nhưng không phải B, họ đáp: **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ A đều là B*** • Nếu có thể nghĩ ra một ví dụ A nhưng không phải B, họ đáp: **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ A đều là B***
LG	tiếp tục: **Chứng tỏ, nếu là B, thì là A bao hàm**
ĐLG (Q)	• Nếu không thể nghĩ ra một ví dụ B nhưng không phải A, họ đáp: **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ B đều là A*** • Nếu có thể nghĩ ra một ví dụ B nhưng không phải A, họ đáp: **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ B đều là A***
LG	tiếp tục sang A và B tiếp theo, khởi động lại: **Chứng tỏ, nếu là A...**

Ví dụ

LG	*Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
(Q)	*Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ đỏ đều là màu sắc*
LG	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là đỏ bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
(Q)	*Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ màu sắc đều là đỏ*
LG	*Tiếp tục sang hai mục tiếp theo...*

Lặp lại các bước trước. Khi bạn cảm thấy **thành thạo và tự tin** sau một vài phát biểu, **hãy đổi vai.**

Bước 2	
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm**
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý** • **Tại sao**
LG	• sau **Đồng ý**, tiếp tục với: **Chứng tỏ, nếu là B...** • sau **Tại sao**, hỏi: **Hãy kể**
ĐLG (Q)	• khi được hỏi **Hãy kể** (sau mệnh đề bao hàm 1), đưa ra một **ví dụ a** là A nhưng không phải B, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***a là A nhưng không phải B*** • khi được hỏi **Hãy kể** (sau mệnh đề bao hàm 2), đưa ra một **ví dụ b** là B nhưng không phải A, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***b là B nhưng không phải A***
LG	tiếp tục theo đó...

Ví dụ 2.1

LG	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là đỏ bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG *(Q)*	*Màu của ốc trắng* *Màu của ốc trắng là màu sắc nhưng không phải là đỏ*
LG	*Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Tiếp tục sang hai mục tiếp theo...*

Ví dụ 2.2

LG	*Chứng tỏ, nếu là xanh, thì là đỏ bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Màu của bầu trời xanh*
(Q)	*Màu của bầu trời xanh là màu xanh nhưng không phải là đỏ*
LG	*Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì là xanh bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Màu của quả táo đỏ*
(Q)	*Màu của quả táo đỏ là màu sắc nhưng không phải là xanh*
LG	*Tiếp tục sang hai mục tiếp theo...*

Bước X	
LG (X)	Nếu Lập giả (LG), Đối lập giả (ĐLG), Quan sát giả (Q), hoặc bất kỳ ai trong nhóm khán giả có nhận xét liên quan đến một phản ví dụ — dù vì nó có vẻ chưa rõ ràng hoặc chưa được nêu ra — thì đều có thể xen vào: • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: có phải là A/B không?*** *hoặc* • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: nó là/không là A/B, vì sao thế?*** *hoặc*
ĐLG (X)	• (bất kỳ ai) có thể xen vào / trả lời: ***Nó/[ví dụ] là/không là A/B, vì nó là [...]*** Vui lòng giữ nguyên định dạng này. Nếu cần thảo luận ngoài định dạng gợi ý, hãy giữ cho ngắn gọn, tập trung và mang tính hợp

Ví dụ

X	*Một quả chuối vàng làm hữu pháp: có phải là màu sắc không?*
X	*Một quả chuối vàng không phải là màu sắc, vì nó là chuối.*

Tăng tốc độ tranh biện càng nhiều càng tốt! Lưu ý rằng nếu ĐLG đều đồng ý với cả mệnh đề bao hàm thứ nhất và thứ hai, họ đã chấp thuận cả **Bát Môn Bao Hàm.**

Bổ sung: Bây giờ hãy ôn lại tài liệu một lần nữa, lần này LG tích cực cố gắng nhớ tất cả các phản ứng và ví dụ của ĐLG từ trí nhớ.

Bài tập 2: Luyện tập mệnh đề bao hàm 3

Hướng dẫn: Làm việc theo nhóm hai hoặc ba người và hoán đổi vai trò khi bạn tăng tốc. Mục tiêu là rèn luyện sự **lưu loát, chính xác** và **tự tin** trong việc nhận biết các **điểm chung**. Bạn có thể bỏ qua các bước thực hành quá dễ.

Bước 1 (tùy chọn)	
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm**
ĐLG (Q)	• Nếu không thể nghĩ ra một ví dụ vừa là A vừa là B, họ đáp: ***Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày:* ***Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ A đều không là B*** • Nếu có thể nghĩ ra một ví dụ vừa là A vừa là B, họ đáp: **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ A đều không là B***
LG	tiếp tục sang hai mục tiếp theo...

Ví dụ 1.1

LG	*Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì không là màu sắc bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
(Q)	*Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ đỏ đều không là màu sắc*
LG	*Tiếp tục sang hai mục tiếp theo...*

Ví dụ 1.2

LG	*Chứng tỏ, nếu là chó, thì không là mèo bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
(Q)	*Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ chó đều không là mèo*

Bước 2	
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm**
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Không có ví dụ vừa là A vừa là B***, hoặc ***Không có điểm chung của A và B*** • **Tại sao**
LG	• sau **Đồng ý**, tiếp tục sang hai mục tiếp theo... • sau **Tại sao**, hỏi: **Hãy kể**
ĐLG (Q)	• khi được hỏi **Hãy kể**, đưa ra một **ví dụ ab** vừa là A vừa là B, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***(Ví dụ/điểm chung) ab vừa là A vừa là B***
LG	tiếp tục sang hai mục tiếp theo...

Ví dụ 2.1

LG	*Chứng tỏ, nếu là núi, thì không là non bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Núi Thái Sơn*
(Q)	*Điểm chung Núi Thái Sơn vừa là núi vừa là non*

Ví dụ 2.2

LG	*Chứng tỏ, nếu là ngựa, thì không là động vật bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một con ngựa con*
(Q)	*Điểm chung ngựa con vừa là ngựa vừa là động vật*

Ví dụ 2.3

LG	*Chứng tỏ, nếu là đất sét, thì không là bình bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Bình đất sét*
(Q)	*Điểm chung bình đất sét vừa là đất sét vừa là bình*

Bước X	
LG (X)	khi phản ví dụ chưa rõ hoặc còn thiếu, bất kỳ ai có thể xen vào: • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: có phải là điểm chung của A và B không?*** *hoặc* • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: nó là/không là điểm chung của A và B, vì sao thế?*** *hoặc*
ĐLG (X)	• (bất kỳ ai) có thể xen vào / trả lời: ***Nó/[ví dụ] là/không là điểm chung của A và B, vì nó là [...]***

Ví dụ X.1

X	*Một dzô làm hữu pháp: có phải là điểm chung của yak[1] và bò không?*
X	*Nó là điểm chung, vì nó là giống lai đực[2] giữa yak và bò cái*

Ví dụ X.2

X	*Một động vật có vú làm hữu pháp: nó không phải là điểm chung của chó và mèo, vì sao thế?*
X	*Nó không phải là điểm chung, vì không có một con vật nào vừa là chó vừa là mèo cùng lúc*

Bổ sung: Ôn lại tài liệu một lần nữa, lần này LG tích cực cố gắng nhớ tất cả các phản ứng và ví dụ của ĐLG từ trí nhớ.

[1] Yak đực được gọi là "yak"; yak cái được gọi là "dri".

[2] Dzô đực được gọi là "dzô"; dzô cái được gọi là "dzômo".

Bài tập 3: Luyện tập mệnh đề bao hàm 4

Hướng dẫn: Hãy tranh biện sắc bén và trôi chảy! Mục tiêu của bài tập này là **rèn luyện sự sáng tỏ và chính xác** trong việc sử dụng **các mệnh đề phủ định**, đồng thời **mở rộng khả năng tư duy vượt ngoài khuôn khổ**.

Bước 1 (tùy chọn)	
LG	**Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm**
ĐLG (Q)	• Nếu không thể nghĩ ra một ví dụ không là A và không là B, họ đáp: ***Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày:* ***Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ không là A đều là B*** • Nếu có thể nghĩ ra một ví dụ không là A và không là B, họ đáp: **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ không là A đều là B***
LG	tiếp tục sang hai mục tiếp theo...

Ví dụ 1.1

LG	*Chứng tỏ, nếu không là chó, thì là mèo bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
(Q)	*Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ không là chó đều là mèo*

Ví dụ 1.2

LG	*Chứng tỏ, nếu không là người, thì là phi người bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
(Q)	*Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ không là người đều là phi người*

Bước 2	
LG	**Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm**
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Không có ví dụ không là A và không là B***, hoặc ***Không có cái gì ngoài A và B*** • **Tại sao**
LG	• sau **Đồng ý**, tiếp tục sang hai mục tiếp theo... • sau **Tại sao**, hỏi: **Hãy kể**
ĐLG (Q)	• khi được hỏi **Hãy kể**, đưa ra một **ví dụ C** (lý tưởng là càng gần A và B càng tốt nhưng vẫn không phải là A và cũng không phải là B), và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Ví dụ C ngoài A và B***
LG	tiếp tục sang hai mục tiếp theo...

Ví dụ

LG	*Chứng tỏ, nếu không là chó, thì là mèo bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Cây*
(Q)	*Cây không là chó và cũng không là mèo*

Bước X	
LG (X)	khi phản ví dụ chưa rõ hoặc còn thiếu, bất kỳ ai có thể xen vào: • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: có phải là ngoài A và B không?*** *hoặc* • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: nó là/không là ngoài A và B, vì sao thế?*** *hoặc*
ĐLG (X)	• (bất kỳ ai) có thể xen vào / trả lời: ***Nó/[ví dụ] là/không là ngoài A và B, vì nó là [...]***

Ví dụ

X	*Sừng thỏ làm hữu pháp: nó ở ngoài người và phi người không?*
X	*Nó không ở ngoài, vì nó là phi người.*

Bổ sung: Lập giả xem lại bài tập này, cố gắng ghi nhớ tất cả các câu trả lời của Đối lập giả. Để tăng thêm độ thử thách, hãy xem lại các bài tập trước đó.

Để thử thách hơn nữa, hãy lặp lại *Bước 1* và *2* bằng cách phủ định mục A, mục B, hoặc cả hai, ví dụ:
Chứng tỏ, nếu không là chó, thì là mèo bao hàm trở thành
Chứng tỏ, nếu không là phi chó, thì là mèo bao hàm, hoặc
Chứng tỏ, nếu không là phi chó, thì là phi mèo bao hàm.
Lưu ý rằng hai lần phủ định liên tiếp có tác dụng như không phủ định (xem *Đu-Tra* để có giải thích chi tiết).

Bài tập 4: Luyện tập cả bốn mệnh đề bao hàm cùng nhau

Hướng dẫn: Ghi nhớ bốn mệnh đề bao hàm để có thể sử dụng chúng một cách kết hợp[1] trong khi tranh biện:

1. **Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm.**
2. **Chứng tỏ, nếu là B, thì là A bao hàm.**
3. **Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm.**
4. **Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm.**

Hãy cố gắng học thuộc ***khuôn mẫu phản hồi*** của "Tại sao" và "Đồng ý" đối với bốn mệnh đề bao hàm tương ứng với mỗi loại phân biệt:

- **Tương nghịch: Tại sao - Tại sao - Đồng ý**
- **Đồng nghĩa: Đồng ý - Đồng ý - Tại sao**
- **Musum: Đồng ý - Tại sao - Tại sao** hoặc
  Tại sao - Đồng ý - Tại sao
- **Mushi: Tại sao - Tại sao - Tại sao**

Mục tiêu của LG: ghi nhớ các câu trả lời của ĐLG để xem xét[2] và phát hiện những điểm không nhất quán.
Mục tiêu của ĐLG: phản ứng nhanh, chính xác và nhất quán.

[1] Ở các học viện Phật học khác nhau (tu viện đại học), thứ tự trình bày bốn mệnh đề bao hàm có thể khác nhau.

[2] Các tu viện cũng sử dụng những hình thức khác nhau để xem xét bốn mệnh đề bao hàm. Trong khóa học này, chúng ta dùng hình thức ngắn gọn nhất: chỉ gồm bốn mệnh đề bao hàm, nêu ví dụ phản chứng khi cần, và không thêm câu hỏi phụ. Các phản hồi của ĐLG chỉ được xem xét khi LG đã nêu ra mệnh đề lập trường — như sẽ được trình bày trong chương Tam đoạn luận và Hệ quả.

Bước 1 (tùy chọn): xem lưu đồ ***Phân biệt sự bao hàm***	
LG	bắt đầu bằng: **Phân biệt giữa A và B**
ĐLG	để quyết định, (bằng lời hoặc trong tâm), tiến hành quy trình loại trừ qua các câu hỏi sau — bỏ qua những bước dễ: ***1. A và B có tương nghịch không?*** Nếu có, trả lời: **Tương nghịch**, nếu không, nói: **Không tương nghịch**, và tiếp tục: ***2. A và B có đồng nghĩa không?*** Nếu có, trả lời: **Đồng nghĩa**, nếu không, nói: **Mu**, và tiếp tục: ***3. A có bao hàm B hoặc B có bao hàm A không?*** Nếu có, trả lời: **Musum**, nếu không, nói: **Mushi** hoặc cách khác ***3. Có ví dụ nào chỉ là A và không là B không?*** ***Có ví dụ nào chỉ là B và không là A không?*** Nếu cả hai đều có, trả lời: **Mushi**, nếu không, nói: **Musum**
LG	sửa các lỗi (nếu có) và tiếp tục với các mục tiếp theo...

Ví dụ 1.1

LG	*Phân biệt giữa chó và mèo*
ĐLG	*Chó và mèo có tương nghịch không? Có* ***Tương nghịch***

Ví dụ 1.2

LG	*Phân biệt giữa núi và non*
ĐLG	***Không tương nghịch***
	Đồng nghĩa

Ví dụ 1.3

LG	*Phân biệt giữa ngựa và động vật*
ĐLG	*Ngựa và động vật có tương nghịch không? Không*
	Không tương nghịch
	Ngựa và động vật có đồng nghĩa không? Không
	Mu
	Ngựa có bao hàm động vật hoặc động vật có bao hàm ngựa không? Có: Động vật có bao hàm ngựa
	Musum

Ví dụ 1.4

LG	*Phân biệt giữa bàn và gỗ*
ĐLG	***Không tương nghịch***
	Mu
	Bàn có bao hàm gỗ hoặc gỗ có bao hàm bàn không? Không
	Mushi

Ví dụ 1.5

LG	*Phân biệt giữa bàn và gỗ*
ĐLG	*Có ví dụ nào chỉ là bàn và chỉ là gỗ không? Có: bàn sắt, ghế gỗ*
	Mushi

Bước 2	
LG	mở đầu cuộc tranh biện bằng: **Đi — ji ta chơ chen** *(Điều này có nghĩa là "Hữu pháp, như Dhi", và được Lập giả xướng lên trước khi buổi tranh biện bắt đầu như một hạt giống cát tường — "Dhi" là chủng tự của Văn Thù Sư Lợi, vị Phật của Trí Tuệ.)* LG bắt đầu bằng: **A và B làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa**
ĐLG	sau khi quyết định, đáp: **Tại sao**
LG	**Hãy kể**
ĐLG	đáp: **musum, mushi, tương nghịch,** hoặc **đồng nghĩa**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: • ***musum: đồng ý - tại sao - tại sao / tại sao - đồng ý - tại sao*** • ***mushi: tại sao - tại sao - tại sao*** • ***tương nghịch: tại sao - tại sao - đồng ý*** • ***đồng nghĩa: đồng ý - đồng ý - tại sao***
LG	nếu nhận thấy bất kỳ sai nào, sửa lại và tiếp tục sang các mục tiếp theo...

Ví dụ 2.1

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Cái gì mà tâm có thể nghĩ đến và cây làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Musum: tại sao - đồng ý - tại sao*

Ví dụ 2.2

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Bàn và gỗ làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Mushi: tại sao - tại sao - tại sao*

Ví dụ 2.3

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Chó và mèo làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Tương nghịch: tại sao - tại sao - đồng ý*

Ví dụ 2.4

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Núi và non làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Đồng nghĩa: đồng ý - đồng ý - tại sao*

Bước 3: xem lưu đồ ***Mệnh đề bao hàm***	
LG	mở đầu cuộc tranh biện bằng: **Đi — ji ta chơ chen** **A và B làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa**
ĐLG	sau khi quyết định, đáp: **Tại sao**
LG	**Hãy kể**
ĐLG	đáp: **musum, mushi, tương nghịch,** hoặc **đồng nghĩa**
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm**
ĐLG	• **Đồng ý** • **Tại sao**
LG	• sau **Tại sao**, hỏi: **Hãy kể**
ĐLG	• khi được hỏi, đưa ra một **ví dụ a** (là A nhưng không là B)
LG	**Chứng tỏ, nếu là B, thì là A bao hàm**
ĐLG	• **Đồng ý** hoặc **Tại sao** • khi được hỏi, đưa ra một **ví dụ b** (là B nhưng không là A)
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm**
ĐLG	• **Đồng ý** hoặc **Tại sao** • khi được hỏi, đưa ra một **ví dụ ab** (là điểm chung của A và B)
LG	**Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm**
ĐLG	• **Đồng ý** hoặc **Tại sao** • khi được hỏi, đưa ra một **ví dụ C** (ngoài A và B)

Ví dụ 3.1

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Cây và cái gì mà tâm có thể nghĩ đến làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Musum*
LG	*Chứng tỏ, nếu là cây, thì là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Chứng tỏ, nếu là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến, thì là cây bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một người đang nghĩ về một cái cây*
LG	*Chứng tỏ, nếu là cây, thì không là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Cái cây trong vườn tôi đang nghĩ đến*
LG	*Chứng tỏ, nếu không là cây, thì là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 3.2

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Không phải chó và phi mèo làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Mushi*
LG	*Chứng tỏ, nếu là phi chó, thì là phi mèo bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Con mèo của tôi*
LG	*Chứng tỏ, nếu là phi mèo, thì là phi chó bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Con chó của tôi*
LG	*Chứng tỏ, nếu là phi chó, thì không là phi mèo bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một ly trà*
LG	*Chứng tỏ, nếu không là phi chó, thì là phi mèo bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*

Bước X	
LG (X)	khi phản ví dụ chưa rõ hoặc còn thiếu, bất kỳ ai có thể xen vào: • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: có phải là [...] không?*** *hoặc* • ***[Ví dụ] làm hữu pháp: nó là/không là [...], vì sao thế?*** *hoặc*
ĐLG (X)	• (bất kỳ ai) có thể xen vào / trả lời: ***Nó/[ví dụ] là/không là [...], vì nó là [...]***

Ví dụ X.1

X	*Một người đang nghĩ về một cái cây làm hữu pháp: nó là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến, vì sao thế?*
X	*Vì một người đang nghĩ về một cái cây là cái gì mà tâm có thể nghĩ đến*

Ví dụ X.2

X	*Một ly trà làm hữu pháp: có phải là phi mèo không?*
X	*Một ly trà là phi mèo, vì nó là một ly trà*

Bổ sung: LG xem lại bài tập này và/hoặc các bài tập trước đó, cố gắng nhớ lại tất cả các câu trả lời của ĐLG.

Bước 4 (tùy chọn)	
LG	lặp lại *Bước 2*, sử dụng một trình tự thay thế của bốn mệnh đề bao hàm (như được thực hành tại một số đại học tu viện): **1. Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm.** **2. Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm.** **3. Chứng tỏ, nếu là B, thì là A bao hàm.** **4. Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm.**

Ví dụ

LG	*Đi — ji ta chơ chen* *Gà và trứng làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Tương nghịch*
LG	*Chứng tỏ, nếu là gà, thì không là trứng bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Chứng tỏ, nếu là gà, thì là trứng bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một chú gà con mới nở*
LG	*Chứng tỏ, nếu là trứng, thì là gà bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*...*

Bước 5 (tùy chọn)	
LG	lặp lại *Bước 2*, điều chỉnh các câu hỏi tiếp theo dựa trên câu trả lời của người bảo vệ, như được thực hành tại các đại học tu viện. Trong trường hợp • **Musum,** LG hỏi: **Cái nào bao hàm cái nào?**
ĐLG	đáp: **Nếu là A, thì là B bao hàm. Nếu là B, thì là A không bao hàm, ví dụ b** (đổi A và B nếu cần).
LG	tiếp theo, kiểm tra ba trường hợp (ba mu) trong musum: • **b làm hữu pháp, chứng tỏ nó là B.** [LG đang chờ "Đồng ý".] • **b làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là A.** [LG đang chờ "Đồng ý".] • LG tiếp tục với mệnh đề bao hàm 3 và 4 như thường lệ.
LG	Trong trường hợp • **Mushi,** LG tiếp tục như thường lệ với bốn mệnh đề bao hàm, nhưng thêm các câu hỏi tiếp theo sau mỗi phản ví dụ (xem dòng tiếp theo của LG).
ĐLG	trả lời như thường lệ
LG	kiểm tra bốn trường hợp (bốn mu) trong mushi: • **a làm hữu pháp, chứng tỏ nó là A.** [LG đang chờ "Đồng ý".] **Chứng tỏ nó không là B.** [LG đang chờ "Đồng ý".] • **b làm hữu pháp, chứng tỏ nó là B.** [LG đang chờ "Đồng ý".] **Chứng tỏ nó không là A.** [LG đang chờ "Đồng ý".] • LG tiếp tục với mệnh đề bao hàm 3 và 4 như thường lệ.

LG	Trong trường hợp • **Tương nghịch,** LG hỏi: **Chúng tương nghịch, vì sao thế?**
ĐLG	đáp: **Vì hai chúng khác nhau và (hai chúng) là pháp mà không thể nào là điểm chung.**
LG	kiểm tra lại: • **Chứng tỏ, nếu là hai chúng khác nhau và (hai chúng) là pháp mà không thể nào là điểm chung, thì là tương nghịch bao hàm.** [LG đang chờ "Đồng ý".]
LG	Trong trường hợp • **Đồng nghĩa,** LG hỏi: **Chúng đồng nghĩa, vì sao thế?**
ĐLG	đáp: **Vì Bát Môn Bao Hàm được khẳng định.**
LG	kiểm tra lại: • **Chứng tỏ, nếu là Bát Môn Bao Hàm được khẳng định, thì là đồng nghĩa bao hàm.** [LG đang chờ "Đồng ý" và có thể tùy chọn đề nghị LG trình bày lại **Bát Môn Bao Hàm được áp dụng cho A và B** (xem tr. 6).]

Bổ sung: Để đạt tốc độ tối đa, ĐLG có thể đưa ra các ví dụ cùng với "musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa". Ví dụ, khi được hỏi: **"Phân biệt giữa bình và đất sét"**, ĐLG có thể trả lời tự do: **"mushi — bình đất sét, bình kim loại, đĩa đất sét, đĩa gỗ".**

Bài tập 5: Học qua vai trò lập giả

Hướng dẫn: Trong bài tập này, chúng ta đảo ngược các vai trò thông thường của lập giả (LG) và đối lập giả (ĐLG). Trong thực hành thông thường, những người tranh biện có khả năng tương đương sẽ luân phiên giữa cả hai vai, trong khi trong môi trường học tập truyền thống — đặc biệt là đối với người mới bắt đầu — giáo thọ đóng vai trò lập giả và học viên đóng vai trò đối lập giả.
Ở đây, chúng ta chủ đích đảo ngược sự sắp xếp đó. ***Người học*** đảm nhận vai trò ***lập giả***, trong khi ***giáo thọ hoặc người hướng dẫn*** đóng vai trò ***đối lập giả***. Thay vì đặt câu hỏi một cách không chính thức, lập giả trình bày hai hiện tượng đang được khảo sát và thông qua cấu trúc tranh biện chuẩn hóa, ***dẫn dắt*** đối lập giả tới điểm cần làm rõ mong muốn. Điều này cho phép người học ***giải tỏa những nghi ngờ*** về sự bao hàm hoặc các phản ví dụ trong khi chỉ nhận được những câu ***đáp ngắn gọn và trang trọng*** từ phía đối lập giả.

Bước 1: Tìm ví dụ đơn giản	
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì là phi A bao hàm**
ĐLG	• **Tại sao**
LG	• **Hãy kể**
ĐLG	• a_1, a_2, a_3, và v.v.
LG	**Chứng tỏ, nếu là phi A, thì là A bao hàm**
ĐLG	• **Tại sao**
LG	• **Hãy kể**
ĐLG	• **phi** a_1, **phi** a_2, **phi** a_3, và v.v.

Ví dụ

LG	*[không tìm được ví dụ màu:]* *Chứng tỏ, nếu là màu, thì là phi màu bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Xanh, vàng, trắng, đỏ, màu sáng, màu tối, xanh lá, màu hồng*
LG	*Chứng tỏ, nếu là phi màu, thì là màu bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Hình dài, âm thanh, tâm thức, không gian…*

Bước 2: Tìm ví dụ điểm chung		
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG		• **Hãy kể**
ĐLG		• **ab_1, ab_2, ab_3,** và v.v.

Ví dụ 2.1

LG	*[không tìm được ví dụ điểm chung của màu gốc và màu nhánh:]* *Chứng tỏ, nếu là màu gốc, thì không là màu nhánh bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý [đay không có điểm chung]*

Ví dụ 2.2

LG	*[không tìm được ví dụ điểm chung của màu gốc và màu:]* *Chứng tỏ, nếu là màu gốc, thì không là màu bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Màu trời xanh, màu hoa vàng, màu táo đỏ...*

Ví dụ 2.3

LG	*[không tìm được ví dụ điểm chung của đất sét và bình:]* *Chứng tỏ, nếu là đất sét, thì không là bình bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Bình đất sét*

Bước 3: Tìm ví dụ ngoài A và B		
LG	**Chứng tỏ, nếu không là A, thì là B bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG		• **Hãy kể**
ĐLG		• **C_1, C_2, C_3,** và v.v.

Ví dụ 3.1

LG	*[không tìm được ví dụ ngoài người và phi người:]* *Chứng tỏ, nếu không là người, thì là phi người bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý [đay không có ví dụ ngoài]*

Ví dụ 3.2

LG	*[không tìm được ví dụ ngoài người và hữu:]* *Chứng tỏ, nếu không là người, thì là hữu bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Sừng thỏ*

Bước 4: Tìm hiểu về sự phân biệt (và tìm phản ví dụ)		
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì là B bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG		• **Hãy kể**
ĐLG		• **a**
LG	**Chứng tỏ, nếu là B, thì là A bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG		• **Hãy kể**
ĐLG		• **b**
LG	**Chứng tỏ, nếu là A, thì không là B bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG		• **Hãy kể**
ĐLG		• **ab**

Ví dụ 4.1

LG	*[chưa chắc màu gốc và màu nhánh là tương nghịch không:] Chứng tỏ, nếu là màu gốc, thì không là màu nhánh bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 4.2

LG	*[chưa chắc phân biệt màu và màu gốc là musum hay mushi:] Chứng tỏ, nếu là màu, thì là màu gốc bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Chứng tỏ, nếu là màu gốc, thì là màu bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 4.3

LG	*[muốn phân biệt đất sét và bình, đồng thời tìm phản ví dụ:]* *Chứng tỏ, nếu là đất sét, thì là bình bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Đĩa đất sét*
LG	*Chứng tỏ, nếu là bình, thì là đất sét bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Bình kim loại*
LG	*Chứng tỏ, nếu là bình, thì không là đất sét bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Bình đất sét*

Bước 5: Xác nhận phản ví dụ		
LG	**[Ví dụ] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là A (nhưng không là B)**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	**[Ví dụ] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là B (nhưng không là A)**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	**[Ví dụ] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là A và B**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	**[Ví dụ] làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là A và không là B**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**

Ví dụ 5.1

LG	*[muốn kiểm tra táo đỏ là ví dụ đúng của màu không:]* *Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là hình*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu và không là hình*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 5.2

LG	*[muốn kiểm tra màu táo đỏ là ví dụ đúng của màu, nhưng không là hình không:]* *Màu táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu, nhưng không là hình*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 5.3

LG	*[muốn kiểm tra các phản ví dụ là đúng hay không:]* *Màu táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu, nhưng không là hình*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Hình táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó là hình, nhưng không là màu*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu và không là hình*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 5.4

LG	*[muốn kiểm tra bình đất sét là phản ví dụ đúng của điểm chung giữa đất sét và bình không:]* *Bình đất sét làm hữu pháp, chứng tỏ nó là đất sét và bình*
ĐLG	*Đồng ý*

CHUẨN BỊ 1

Tam đoạn luận và Hệ quả

Trong chương này, chúng ta sẽ thực hành biện luận về tam đoạn luận và hệ quả bằng cách sử dụng các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày.

Phần thực hành này đặt nền tảng cho việc phân tích chuyên sâu hơn về tánh tướng (định nghĩa) và phân loại, như được trình bày trong bộ luận cổ *Đu-Tra* (Nhiếp Loại Học), mà chúng ta sẽ bắt đầu trong phần tiếp theo của khóa học.

Mục tiêu của **Lập giả** là khám phá nhiều cách khác nhau để phân tích lập trường chung của Đối lập giả, đồng thời phát triển khả năng vận dụng hệ quả một cách chiến lược nhằm làm sáng tỏ vấn đề và mở rộng cái thấy nội quán.

Mục tiêu của **Đối lập giả** là luyện tập phân tích lập trường chung của Lập giả, xác định và chỉ ra các mâu thuẫn rõ ràng, đồng thời chọn các dấu hiệu thích hợp (lý do) để sử dụng trong tam đoạn luận.

Qua quá trình này, kỹ năng thiết lập hệ quả sẽ được phát triển dần dần, bao gồm việc hình thành các mệnh đề có ý nghĩa thông qua việc lựa chọn chủ từ và vị từ một cách cẩn thận, đồng thời tiến đến việc xác định dấu hiệu đúng. Những khả năng này sẽ được áp dụng một cách có hệ thống khi chủ đề đầu tiên của *Đu-Tra* về *Màu sắc* được giới thiệu.

Tổng quan về Tam đoạn luận và Hệ quả

Một **tam đoạn luận** là một hình thức lập luận nhằm tạo ra sự hiểu biết về một vấn đề nào đó. Ví dụ về một hệ quả hai phần — hay mệnh đề lập trường — với hai thành phần của nó, **hữu pháp** và **vi pháp**, như sau:

(Lấy) **âm thanh** làm hữu pháp, nó là **vô thường**.

Hữu pháp Vi pháp

Khi Đối lập giả đưa ra một mệnh đề lập trường, Lập giả chỉ có thể đáp **"Đồng ý"** hoặc **"Tại sao".**
Nói **"Đồng ý"** có nghĩa là Lập giả đồng ý rằng vi pháp đúng với hữu pháp — ở đây là *âm thanh là vô thường.*
Nói **"Tại sao"** có nghĩa là Lập giả không đồng ý, cho rằng *âm thanh không phải là vô thường.*
Nếu Lập giả đồng ý, Đối lập giả có thể tiếp tục đưa ra một mệnh đề lập trường mới. Nếu Lập giả không đồng ý, Đối lập giả có thể xây dựng một hệ quả ba phần, bổ sung một yếu tố thứ ba vào hữu pháp và vi pháp hiện có.

Ví dụ về một hệ quả ba phần với thành phần bổ sung là một lý do hay chứng cứ, ở đây gọi là **dấu hiệu**, như sau:

(Lấy) **âm thanh** làm hữu pháp, nó là **vô thường**, vì nó là **tác**.

Hữu pháp Vi pháp Dấu hiệu

Lập trường

Tam đoạn luận

Tam đoạn luận thông thường khác với **hệ quả tam đoạn luận**, vốn là hình thức tam đoạn luận được sử dụng phổ biến nhất trong tranh luận Tây Tạng. Vì lý do rõ ràng và tính thực tiễn trong khóa học này, chúng tôi sẽ gọi hình thức sau một cách đơn giản là **hệ quả**. Về mặt hình thức, bạn có thể nhận biết một hệ quả thông qua việc sử dụng thuật ngữ **"chứng tỏ"**:

(Lấy) **âm thanh** làm hữu pháp, **chứng tỏ** nó là **vô thường**, vì nó là **tác**.

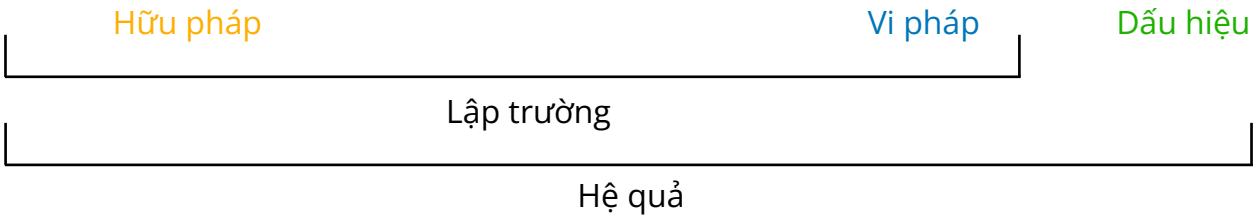

Trong tranh biện Tây Tạng, một *hệ quả chánh* theo nghĩa kỹ thuật là một phát biểu gồm ba phần, từ đó làm phát sinh *Tam Luân trực Tương nghịch*; đây chính là điểm phân biệt chủ yếu giữa hệ quả và tam đoạn luận. Ý nghĩa cụ thể của loại phát biểu này theo nghĩa kỹ thuật sẽ được giải thích chi tiết hơn trong chương về Hệ quả, vào cuối năm học đầu tiên của *Đu-Tra* (Nhiếp Loại Học).
Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện tại, thuật ngữ "hệ quả là" chỉ được giới thiệu theo nghĩa hình thức và tạm thời, và như vậy là đủ cho mục đích học tập ở đây. Vì thế, hiện tại chúng ta coi hệ quả như những tam đoạn luận thông thường, và tập trung luyện tập tranh biện chúng bằng cách sử dụng các phát biểu và phản ứng thuật ngữ chuẩn hóa.

Để làm được điều đó, chúng ta cần đề cập ngắn gọn đến **tam chi**, mà trong chương trình giảng dạy của chúng ta — cũng như ở các đại học tu viện — chỉ được trình bày chi tiết trong năm thứ ba, trong quá trình học *Tarig* (Lý luận và Nhận thức luận Phật giáo).

Tuy nhiên, để đầy đủ, ba chế được liệt kê ở đây, kèm theo giải thích ngắn gọn về ý nghĩa của chúng, mà không đi vào chi tiết sâu hơn.

1. Tông pháp tính (tiếng Tạng: *phyogs kyi chos*)
2. Tùy bao hàm (tiếng Tạng: *rjes khyab*)
3. Phản bao hàm (tiếng Tạng: *ldog khyab*)

Tông pháp tính có nghĩa là dấu hiệu áp dụng cho hữu pháp — được diễn đạt một cách chính thức: ***hữu pháp là dấu hiệu.***
Lưu ý rằng đây không phải là hữu pháp *có* dấu hiệu.
Tùy bao hàm có nghĩa là dấu hiệu bị bao hàm bởi vi pháp. Theo thuật ngữ kỹ thuật: ***nếu là dấu hiệu, thì là vi pháp* bao hàm.**
Phản bao hàm áp dụng bất cứ khi nào mệnh đề bao hàm thuận áp dụng, và ngược lại. Tuy nhiên, nó được liệt kê riêng vì nhấn mạnh một khía cạnh bổ sung về mối quan hệ giữa dấu hiệu và vi pháp — thông qua các đối lập hoặc phủ định, điều này sau này trở nên thiết yếu để hiểu về tánh không trong các nghiên cứu Phật học nâng cao.
Diễn đạt chính thức: ***nếu là phi vi pháp, thì là phi dấu hiệu* bao hàm.**

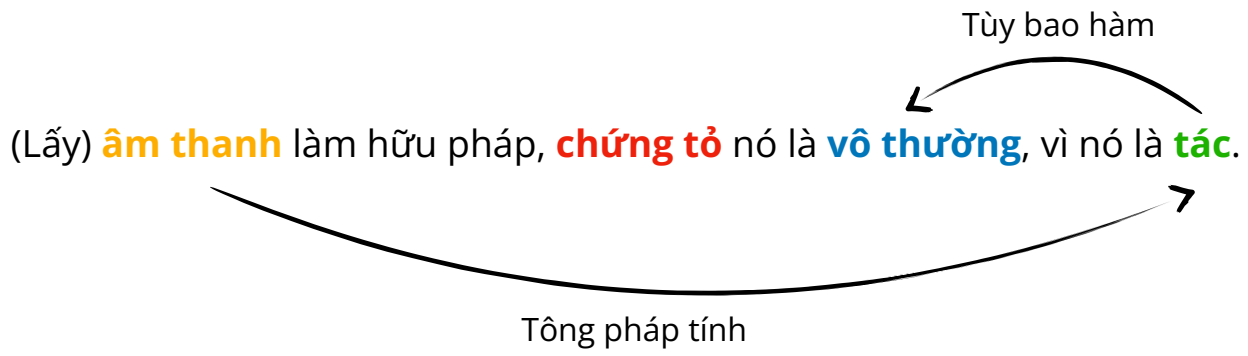

Khi lập giả nêu một hệ quả, đối lập giả có thể trả lời bằng một trong ba cách: **"Dấu hiệu không thành lập", "Không bao hàm"** hoặc **"Đồng ý".**

“Dấu hiệu không thành lập” có nghĩa là lý do không đạt tam chi thứ nhất, tức Tông pháp tính, vì đối lập giả nghĩ rằng *âm thanh không phải là một tác.*

“Không bao hàm” nghĩa là dấu hiệu không đạt tam chi thứ hai và thứ ba, tức không có Tùy bao hàm cũng không có Phản bao hàm. Đối lập giả nghĩ rằng, *ngay cả khi một vật là tác, nó không nhất thiết phải là vô thường.*

Lưu ý rằng mệnh đề bao hàm phủ định này không hàm ý rằng còn có bất kỳ sự bao hàm nào. Vì vậy, nó khác với mệnh đề bao hàm thứ ba, “Nếu là A, thì không là B bao hàm.” Mệnh đề này khẳng định rằng nếu cái gi đó là A, thì thuộc tính không phải là B bao hàm nó.

“Đồng ý” chỉ ra rằng đối lập giả đã thay đổi lập trường: từ trước tin rằng *âm thanh không là vô thường* sang đồng ý rằng *âm thanh là vô thường.*

Bài tập 6: Luyện tập nhuần nhuyễn tam đoạn luận

Hướng dẫn: Làm việc theo nhóm hai hoặc ba người, bắt đầu bằng việc tranh biện ba phần của Tam đoạn luận: **hữu pháp (HP)**, **vi pháp (VP)** và **dấu hiệu (DH)**. Bạn có thể sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận*** đã cung cấp hoặc tự tạo ví dụ của riêng mình cho bất kỳ phần nào trong ba phần.

Đừng lo lắng về đúng hay sai. Đây là bài tập về **tốc độ và nhịp điệu**. Hãy tập trung xây dựng **trí nhớ** và hướng đến dòng chảy hơn là tính chính xác sự kiện.

Bước 1	
LG	bắt đầu bằng: **HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**
ĐLG (Q)	có thể chọn giữa • **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý HP nói chung là VP*** • **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý HP nói chung là VP***
LG	tiếp tục sang lập trường tiếp theo...

Ví dụ 1.1

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là động vật có vú*
ĐLG	*Đồng ý: Tôi đồng ý cọp nói chung là động vật có vú*

Ví dụ 1.2

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là mèo*
ĐLG	*Tại sao: Tôi không đồng ý cọp nói chung là mèo*

Bước 2		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	nói • (HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP,) **vì sao thế?**	• (HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP,) **vì nó là DH**
ĐLG	• đáp: (...) **vì nó là DH**	• (không cần nói gì)
LG	tiếp tục sang lập trường tiếp theo...	

Ví dụ 2.1

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là mèo*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Nó không là mèo, vì sao thế?*
ĐLG	*Vì nó là loài thuộc họ mèo nhưng không phải là mèo*

Ví dụ 2.2

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là mèo*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Nó là mèo, vì nó là loài thuộc họ mèo*

Bài tập 7: So sánh lập trường và mệnh đề bao hàm

Hướng dẫn: Làm việc với **ba thành phần của một tam đoạn luận**: hữu pháp (**HP**), vi pháp (**VP**) và dấu hiệu (**DH**). So sánh chúng với **hai hiện tượng A** và **B**, và với **phản ví dụ a** trong mệnh đề bao hàm thứ nhất. Sử dụng các bộ mục ***Tam đoạn luận*** (và ***Mệnh đề bao hàm***) hoặc tự tạo ví dụ của riêng bạn.
Đây là một bài tập về **phân tích cấu trúc**, không phải về chân lý triết học. Đừng mắc kẹt vào độ chính xác — mục tiêu là phát triển **cảm nhận ban đầu** về sự khác nhau giữa lập trường và mệnh đề bao hàm về hình thức và chức năng.

Bước 1	
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**
ĐLG (Q)	có thể chọn giữa • **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý HP nói chung là VP*** • **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý HP nói chung là VP***
LG	**Chứng tỏ, nếu là HP, thì là VP bao hàm**
ĐLG (Q)	có thể chọn giữa • **Đồng ý**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý tất cả ví dụ HP đều là VP*** • **Tại sao**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý tất cả ví dụ HP đều là VP*** Lưu ý khi câu đáp khác nhau.
LG	tiếp tục sang lập trường tiếp theo...

Ví dụ 1.1

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là động vật*
ĐLG	*Đồng ý: Tôi đồng ý cọp nói chung là động vật*
LG	*Chứng tỏ, nếu là cọp, thì là động vật bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý: Tôi đồng ý tất cả ví dụ cọp đều là động vật*

Ví dụ 1.2

LG	*Bàn làm hữu pháp, chứng tỏ nó là có bốn chân*
ĐLG	*Đồng ý: Tôi đồng ý bàn nói chung là có bốn chân*
LG	*Chứng tỏ, nếu là bàn, thì là có bốn chân bao hàm*
ĐLG	*Tại sao: Tôi không đồng ý tất cả ví dụ bàn đều là có bốn chân*

Ví dụ 1.3

LG	*Mệnh đề "Tôi đang nói dối" làm hữu pháp, chứng tỏ nó là nói dối*
ĐLG	*Tại sao: Tôi không đồng ý mệnh đề "Tôi đang nói dối" nói chung là nói dối*
LG	*Chứng tỏ, nếu là mệnh đề "Tôi đang nói dối", thì là nói dối bao hàm*
ĐLG	*Tại sao: Tôi không đồng ý tất cả ví dụ mệnh đề "Tôi đang nói dối" đều là nói dối*

Bước 2		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	• (...) **vì sao thế?**	• (...) **vì nó là DH**
ĐLG	• (...) **vì nó là DH**	• (không cần nói gì)
LG	**Chứng tỏ, nếu là HP, thì là VP bao hàm**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	• tiếp tục sang lập trường tiếp theo...	• **Hãy kể**
ĐLG		• đưa ra một **ví dụ hp** (là HP nhưng không là **VP**)

Ví dụ 2.1

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là động vật*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*... vì sao thế?*
ĐLG	*Vì nó là động vật có vú*
LG	*Chứng tỏ, nếu là cọp, thì là động vật bao hàm*
ĐLG	*Đồng ý*

Ví dụ 2.2

LG	*Bàn làm hữu pháp, chứng tỏ nó là có bốn chân*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*... vì sao thế?*
ĐLG	*Vì nó là thường được làm với bốn chân*
LG	*Chứng tỏ, nếu là bàn, thì là có bốn chân bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một cái bàn ba chân*

Ví dụ 2.3

LG	*Mệnh đề "Tôi đang nói dối" làm hữu pháp, chứng tỏ nó là nói dối*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó hoặc là đúng (nghĩa là một lời nói dối đang được phát biểu), hoặc nó là sai (điều này khiến nó trở thành một lời nói dối)* *Chứng tỏ, nếu là mệnh đề "Tôi đang nói dối", thì là nói dối bao hàm*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Hãy kể*
ĐLG	*Một mệnh đề đúng: "Tôi đang nói dối"*

Bài tập 8: Phương pháp tam đoạn luận

Hướng dẫn: Kiểm tra bộ mục ***Tam đoạn luận*** và quyết định xem **dấu hiệu (DH)** (phần thứ ba của một tam đoạn luận) là **đúng** hay **sai**.
Tốc độ là yếu tố chính. Đừng phân tích quá mức "sự thật" của thế giới. Hãy tập trung vào việc nhận diện **lỗi cấu trúc** trong lập luận.

Bước	
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP, vì nó là DH**
ĐLG (Q)	• nếu không thể nhận thấy hữu pháp HP chính là dấu hiệu DH, đáp: **Dấu hiệu không thành lập**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ không đồng ý HP là DH*** • nếu có thể nhận thấy hữu pháp HP chính là dấu hiệu DH, đáp: **Không bao hàm**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Tôi/họ đồng ý HP là DH***

Ví dụ 1

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người, vì nó là vô cơ*
ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập:* *Tôi không đồng ý cọp là vô cơ*

Ví dụ 2

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người, vì nó là động vật*
ĐLG	*Không bao hàm:* *Tôi đồng ý cọp là động vật*

Bài tập 9: Kiểm tra dấu hiệu có được thành lập không

Hướng dẫn: Sử dụng bộ mục được chỉ định cho mỗi bài tập.
Để hiểu tam chi thứ nhất, xác định xem **dấu hiệu (DH) có được thiết lập trên hữu pháp (HP)** của tam đoạn luận hay không. Lưu ý rằng khi dấu hiệu được phát biểu là "vì nó là dấu hiệu", thì dấu hiệu **đang là dấu hiệu**, chứ không phải là *có dấu hiệu*, cũng không chỉ là *bản thân dấu hiệu.*
Mục tiêu của bài tập này là rèn luyện khả năng phân tích mối quan hệ giữa dấu hiệu và hữu pháp. Nếu dấu hiệu không được thiết lập đúng, toàn bộ lập luận sẽ bị lỗi cấu trúc.

Bước 1: sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận sai lầm***		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	đáp: **Tại sao**	
LG	(HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP,) **vì nó là DH**	
ĐLG	có thể chọn giữa • **Dấu hiệu không thành lập**	• **Không bao hàm**
LG	• hỏi: **Trình bày** hoặc **Tại sao dấu hiệu không thành lập**	• sang lập trường tiếp theo...
ĐLG (Q)	• đáp: **HP không là DH** [và (ĐLG hoặc Q) trình bày: *Tôi/họ không đồng ý HP là DH*]	

Ví dụ

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó là vô cơ*
ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Cọp không là vô cơ*

Bước 2: sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận***		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý** • **Tại sao**	•
LG	• sau **Đồng ý**, sang lập trường tiếp theo... • sau **Tại sao**, nói: (...) **vì nó là DH**	
ĐLG	• **Dấu hiệu không thành lập**	• **Không bao hàm**
LG	• hỏi: **Trình bày** hoặc **Tại sao dấu hiệu không thành lập**	• sang lập trường tiếp theo...
ĐLG	• đáp: **HP không là DH**	

Ví dụ

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là động vật có vú*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó là vô cơ*
ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Cọp không là vô cơ*

Bài tập 10: Kiểm tra xem có bao hàm không

Hướng dẫn: Sử dụng bộ mục được chỉ định cho mỗi bài tập.
Bài tập này khảo sát cách **dấu hiệu (DH)** và **vi pháp (VP)** liên quan với nhau: cụ thể là xem dấu hiệu có bị vi pháp bao hàm hay không (hay còn gọi là tam chi thứ hai hoặc Tùy bao hàm).

Bước 1: sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận sai lầm***		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	đáp: **Tại sao**	
LG	(HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP,) **vì nó là DH**	
ĐLG	có thể chọn giữa • **Dấu hiệu không thành lập**	• **Không bao hàm**
LG	• sang lập trường tiếp theo...	• hỏi: **Trình bày** hoặc **Tại sao không bao hàm**
ĐLG (Q)		• đáp: **Nếu là DH, thì là VP không bao hàm**, và (ĐLG hoặc Q) trình bày: ***Nếu là DH, thì không nhất thiết là VP***

Ví dụ

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó là động vật có vú*
ĐLG	*Không bao hàm*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Nếu là động vật có vú, thì là người không bao hàm: Nếu là động vật có vú, thì không nhất thiết là người*

Bước 2: sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận***		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	có thể chọn giữa • **Đồng ý** • **Tại sao**	•
LG	• sau **Đồng ý**, sang lập trường tiếp theo... • sau **Tại sao**, nói: (...) **vì nó là DH**	
ĐLG	• **Dấu hiệu không thành lập**	• **Không bao hàm**
LG	• sang lập trường tiếp theo...	• hỏi: **Trình bày** hoặc **Tại sao không bao hàm**
ĐLG		• đáp: **Nếu là DH, thì là VP không bao hàm**

Ví dụ

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là động vật có vú*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó không là người*
ĐLG	*Không bao hàm*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Nếu không là người, thì không là động vật có vú không bao hàm*

Bài tập 11: Tranh biện về tam đoạn luận

Hướng dẫn: Bài tập này **tổng hợp** nội dung trước đó để bắt đầu tranh biện tam đoạn luận. Mục tiêu là giúp bạn **tự tin** trong vai trò **đối lập giả**; với vai trò **lập giả**, hãy tập trung vào các dòng lý luận sáng tạo. Việc thách thức chiến lược có thể còn khó, vì cấu trúc tam đoạn luận chỉ được giới thiệu trong chương đầu của *Đu-Tra*. Bắt đầu với các **bộ mục** được cung cấp; khi đã quen, bạn có thể tự tạo dấu hiệu **DH** hoặc xây dựng tam đoạn luận riêng.

Lưu ý: Khi cả hai đều áp dụng, bên bảo vệ phải ưu tiên đáp lại bằng **"Dấu hiệu không thành lập"** trước **"Không bao hàm."**

Bước 1: xem lưu đồ ***Tam đoạn luận*** và sử dụng bộ mục ***Tam đoạn luận***		
LG	**HP làm hữu pháp, chứng tỏ nó là VP**	
ĐLG	• **Đồng ý**	• **Tại sao**
LG	• tiếp tục sang **lập trường tiếp theo**, • hoặc hỏi: **... vì sao thế?**	• đáp: **... vì nó là DH**
ĐLG	• sau **... vì sao thế?** nói: (...) **vì nó là DH**	• **Dấu hiệu không thành lập** • **Không bao hàm**
LG	• sang lập trường tiếp theo...	• hỏi: **Trình bày**
ĐLG		• đáp lại cho phù hợp
LG		• tiếp tục sang **lập trường tiếp theo**, hoặc • đáp: **... vì nó là DH (mới)**

Ví dụ

LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là động vật có vú*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là động vật*
ĐLG	*Đồng ý*
LG	*... vì sao thế?*
ĐLG	*Vì nó là động vật có vú*
LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó là đi bằng hai chân*
ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Cọp không là đi bằng hai chân*
LG	*Cọp làm hữu pháp, chứng tỏ nó là người*
ĐLG	*Tại sao*
LG	*Vì nó là có hai chân*
ĐLG	*Không bao hàm*
LG	*Trình bày*
ĐLG	*Nếu là có hai chân, thì là người không bao hàm*
LG	*Chứng tỏ nó là người, vì nó là có tứ chi*
ĐLG	*Không bao hàm*
LG	*Người làm hữu pháp, chứng tỏ...*

Bước 2 (tùy chọn): sử dụng bộ mục ***Mệnh đề bao hàm***	
LG	mở đầu cuộc tranh biện bằng: **Đi — ji ta chơ chen** **A và B làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa**; và sau đó tiếp tục bằng cách xem xét tất cả bốn mệnh đề bao hàm, theo *Bước 2* của *Bài tập 4: Luyện tập cả bốn mệnh đề bao hàm cùng nhau*
ĐLG	đáp lại cho phù hợp
LG	tiếp tục cuộc tranh biện lý luận với một lập trường được điều chỉnh theo phản ứng của đối lập giả. Nếu LG nghĩ rằng • **ĐLG không thể nghĩ ra một ví dụ**, LG hỏi: **[Ví dụ mới] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là [A / B / AB / C]** • **ĐLG đưa ra một ví dụ không hợp lệ**, LG hỏi: **[Ví dụ không hợp lệ] làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là [A / B / AB / C]** • **ĐLG đưa ra một ví dụ hợp lệ,** LG hỏi: **[Ví dụ khó] làm hữu pháp, chứng tỏ nó là [A / B / AB / C]**, (hoặc bắt đầu lại với hai hiện tượng A và B mới)
ĐLG	• **Đồng ý** • **Tại sao**
LG	tiếp tục theo *Bước 1*, cố gắng đưa ra các dấu hiệu **DH** hợp lý

Bước 3 (tùy chọn): Sử dụng các ***Định nghĩa & Phân loại*** trong giáo trình từ chương ***Màu sắc v.v.***	
LG	lặp lại *Bước 2*, tích hợp các định nghĩa trong giáo trình và các phân loại toàn diện vào cuộc tranh biện lý luận. Lưu ý: Khi lập giả (LG) nhận thấy một mâu thuẫn trực tiếp rõ ràng giữa hai phát biểu của đối lập giả (ĐLG), họ nói **Xà!**, và giải thích mâu thuẫn đó.

Ví dụ

1	*LG*	*Đi — ji ta chơ chen* *Màu của mây trắng và màu gốc làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa*
	ĐLG	*Tại sao*
2	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Musum*
3	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu của mây trắng, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
4	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là màu của mây trắng bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
5	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Màu của khói xám*
6	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu của mây trắng, thì không là màu sắc*
	ĐLG	*Tại sao*
7	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời*

8	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu của mây trắng, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
9	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Trời xanh*
10	*LG*	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu gốc*
	ĐLG	*Tại sao*
11	*LG*	*Vì nó không là trắng*
	ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*
12	*LG*	*Trình bày*
	ĐLG	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời không (phải) không là trắng*
13	*LG*	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu gốc, vì nó là màu nhánh*
	ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*
14	*LG*	*Trình bày*
	ĐLG	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời không là màu nhánh*
15	*LG*	*Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu đám mây*
	ĐLG	*Đồng ý*
16	*LG*	*Màu đám mây làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu nhánh*
	ĐLG	*Tại sao*
17	*LG*	*Vì nó được liệt kê là màu nhánh*
	ĐLG	*Đồng ý*

18	*LG*	***Xà** (mâu thuẫn với ĐLG16)* *Chứng tỏ nó là màu nhánh*
	ĐLG	*Đồng ý*
19	*LG*	***Xà** (mâu thuẫn với ĐLG16)* *Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu nhánh*
	ĐLG	*Đồng ý*
20	*LG*	***Xà** (mâu thuẫn với ĐLG14)* *Màu của đám mây trắng đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó không là màu gốc*
	ĐLG	*Tại sao*
21	*LG*	*Vì nó là màu nhánh*
	ĐLG	*Không bao hàm*
22	*LG*	*Trình bày*
	ĐLG	*Nếu là màu nhánh, thì không là màu gốc không bao hàm*
23	*LG*	*Màu gốc và màu nhánh làm hữu pháp, chứng tỏ chúng là phân loại toàn diện của màu sắc*
	ĐLG	*Đồng ý*
24	*LG*	*Màu của đám mây đó trên bầu trời làm hữu pháp, chứng tỏ nó là màu gốc hoặc màu nhánh*
	ĐLG	*Đồng ý*
25	*LG*	*Chứng tỏ nó là màu gốc*
	ĐLG	*Tại sao*

26	*LG*	*Chứng tỏ nó là không là màu gốc*
	ĐLG	*Đồng ý*
27	*LG*	***Xà*** *(mâu thuẫn với ĐLG10)* *Màu của mây trắng và màu gốc làm hữu pháp, chứng tỏ chúng không là musum*
	ĐLG	*Đồng ý*
28	*LG*	***Xà*** *(mâu thuẫn với ĐLG2)* *Vậy phân biệt chúng là gì?*
	ĐLG	*Tương nghịch*
29	*LG*	*...*

BỘ MỤC LUYỆN TẬP

Bộ mục: Mệnh đề bao hàm

(Cấu trúc trong Bài tập 1–4)

TĐ 1	Mục A	Mục B
1	cà phê	đồ uống
2	bò	động vật
3	bò	lạc đà
4	vườn	cỏ
5	lạc đà	động vật có vú
6	áo khoác	quần áo
7	cây	cây sồi
8	ghế	bàn
9	sông	giang
10	Toyota	xe hơi
11	nhà thơ	nhà văn
12	xe hơi	Tesla

13	phương tiện	xe đạp
14	dơi	chim
15	nhà	ngôi nhà
16	cá voi	động vật có vú
17	nhạc cụ	đàn guitar
18	thuyền	đại dương
19	mèo	động vật săn mồi
20	vũ	mưa
21	xe hơi	tàu hỏa
22	sự giàu có	nguyên nhân của hạnh phúc
23	đồ nội thất	thảm
24	nguyên nhân của khổ đau	tiền bạc
25	đèn lồng	ánh sáng
26	Như Lai	Thích Ca Mâu Ni

27	trái cây	ngọt
28	sự tức giận	cảm xúc
29	hạnh phúc	có thể đạt được
30	có khả năng bay	chim cánh cụt
31	gà	có khả năng bay
32	quốc gia	đất nước
33	côn trùng	sinh vật gây hại
34	có thể thở được	không khí
35	cây sồi	cây thông
36	côn trùng	bọ
37	tranh vẽ	tác phẩm nghệ thuật
38	châu Âu	ngôn ngữ
39	cử chỉ	giao tiếp
40	nước	nồi hơi

TĐ 2	Mục A	Mục B
41	táo đỏ	đỏ
42	bài hát	giai điệu
43	email	tệp đính kèm
44	phi hành gia	nhà du hành vũ trụ
45	tâm trí	não bộ
46	tháp	hình dạng
47	sóng âm	âm thanh
48	máy tính	thông minh
49	trí tuệ nhân tạo	học tập
50	tế bào	thông minh
51	phi hành gia	nhà du hành không gian
52	cảnh sát	công an
53	con người	công dân

54	quốc gia	dân chủ
55	ý thức	vật chất
56	vũ trụ	được tạo ra
57	hạt	sóng
58	thế giới	có khởi đầu
59	trường	lực
60	quả bóng	được kiến lập bởi tâm
61	bản ngã	cấu trúc xã hội
62	tảng băng trôi	khối băng
63	khoa học	huyền thoại
64	trái đất	cấu thành từ nước
65	kinh nghiệm	chủ quan
66	an ninh	cảm giác
67	cảm xúc	trong não

68	thực thể	vật chất
69	hạnh phúc	ý thức
70	sợ hãi	hợp lệ
TĐ 3	**Mục A**	**Mục B**
71	có thể tranh biện	cái gì mà tâm có thể nghĩ đến
72	phi bình	phi vàng
73	phi tâm	vật chất
74	một thứ	không phải một thứ
75	không phải một thứ	cái mà tâm có thể nghĩ đến
76	không phải một thứ	không tồn tại
77	phi bình	phi cột
78	phi lừa	phi ngựa
79	không thể tranh biện	không tồn tại
80	chủ quan	phi tâm

TĐ 4	Mục A	Mục B
81	cái gì tương nghịch với bình	cái gì không đồng nghĩa với bình
82	cái gì musum với cột	cái gì tương nghịch với cột
83	cái gì musum với bình	cái gì mushi với bình
84	cái gì musum với cột	cái gì musum với bình
85	cái gì musum với cột	cái gì mushi với bình
TĐ 5	**Mục A**	**Mục B**
86	cái gì mushi với phi bình	tồn tại
87	cái gì không tương nghịch với phi bình	cái gì không đồng nghĩa với phi bình
88	cái gì không mushi với phi cột	cái gì musum với bình
89	cái gì không mushi với phi cột	cái gì không musum với bình
90	cái gì không mushi với phi cột	cái gì không musum với phi bình

Tịnh độ 4 và 5 chỉ được đề cập trong lớp sau khi mọi câu hỏi liên quan đến các tịnh độ thấp hơn đã được giải đáp.

Bộ mục: Tam đoạn luận

(Cấu trúc trong Bài tập 5, 6, 7, 8, 9, 10)

TĐ 1	Hữu pháp (HP)	Vi pháp (VP)	Dấu hiệu (DH)
1	thuốc	ăn được	bổ dưỡng
			chữa bệnh
			ngon
2	chim cánh cụt	loài chim	có lông vũ
			biết bơi
			đẻ trứng
3	sách	sống	đang phát triển
			có trang giấy
			truyền tải ý nghĩa
4	máy tính	tư duy	tâm trí
			xử lý dữ liệu
			có ý thức

5	lửa	nóng	gây bỏng da
			tạo ra ánh sáng
			nguy hiểm
6	sợ hãi	vật thể	có hình dáng
			được trải nghiệm
			nặng nề
7	con người	đi thẳng đứng	homo sapiens
			động vật có vú
			có lý trí
8	hoa hồng	thực vật	có cánh hoa
			cần ánh sáng mặt trời
			thơm
9	cảm xúc	được cảm nhận	có khối lượng
			vật chất

			thể rắn
10	hành tinh	phương tiện	quỹ đạo
			có động cơ
			vận chuyển người
11	đèn	chiếu sáng	quang hợp
			sử dụng điện
			có lá
12	vàng	kim loại	dẫn điện
			sáng bóng
			đắt tiền
13	giáo viên	vật thể	có khối lượng
			có ý thức
			được sản xuất
14	âm nhạc	nghe thấy	có khối lượng

			có thể nghe được
			thể rắn
15	cá voi	động vật có vú	thở bằng không khí
			sống dưới nước
			có vảy
16	luật pháp	vật thể	có trọng lượng
			điều chỉnh hành vi
			vật lý
17	chim	động vật có vú	sản xuất sữa
			có cánh
			có lông mao
18	băng	đang tan	nước
			lạnh
			trong suốt

19	ngôn ngữ	động vật	giao tiếp
			có bản năng
			sống
20	ô tô	động vật	cần nhiên liệu
			có trái tim
			di chuyển tự động
21	đồng hồ	kêu tích tắc	cần nghỉ ngơi
			đo thời gian
			có nhịp tim
22	đá	sống	trao đổi chất
			cứng
			hình thành tự nhiên
23	quốc gia	con người	có cảm xúc
			có công dân

			phải chết
24	cây	có màu xanh	quang hợp
			có lá
			cao
25	ngôi sao	thực vật	đang phát triển
			phát ra ánh sáng
			có rễ
26	núi	cao	đang phát triển
			cao
			hô hấp
27	rô-bốt	sống	sinh sản
			sử dụng điện
			có bộ phận kim loại
28	ghế	bốn chân	động vật

			có chân
			bằng gỗ
29	dòng sông	động vật	uống nước
			chảy
			sống
30	cây thông	có lá kim	không có lá
			không phải là cây
			một loài thực vật
TĐ 2	**Hữu pháp (HP)**	**Vi pháp (VP)**	**Dấu hiệu (DH)**
31	phong tục	xã hội	là bắt buộc
			là tùy chọn
			xác định vai trò
32	tâm trí	vật chất	là mở rộng
			là hữu hình

			có thể chia
33	ý định	hành động	là vật lý
			có vị trí
			hướng tới kết quả
34	chứng cứ	nguồn kiến thức	đem lại chắc chắn
			dựa trên tri giác
			là lời nói
35	kiến thức	lĩnh vực	có thể kiểm chứng
			là thực tiễn
			mở rộng hiểu biết
36	hạnh phúc	cảm xúc	được trải nghiệm
			được cảm nhận
			ảnh hưởng quyết định
37	từ	quy ước	có kết nối tự nhiên

			là vĩnh viễn
			là tùy ý
38	niềm tin	tâm trí	là đúng
			là hợp lý
			ảnh hưởng hành vi
39	bản ngã	không thay đổi	có thể chia
			có ý thức
			là duy nhất
40	ảo tưởng	sự kiện tri giác	là chân thực
			là sai lầm
			là suy diễn
41	trí nhớ	tâm trí	là chính xác
			là vĩnh viễn
			ghi nhớ sự kiện

42	tin tưởng	mối quan hệ	là đáng tin
			tạo kết nối
			là tương hỗ
43	tưởng tượng	quá trình tinh thần	là sáng tạo
			là vô hạn
			xây dựng kịch bản
44	đạo đức	hành vi	là đức hạnh
			là được quy định
			định hướng hành động
45	luật	vũ trụ	có các trường hợp
			có thể tri giác
			là vật lý
46	sự thật	tuyên bố	tương ứng với thực tại
			là ngôn ngữ

			là chủ quan
47	hệ thống niềm tin	hệ thống	là nhất quán
			là dựa trên kinh nghiệm
			có hậu quả
48	quy tắc	xã hội	là được thực thi
			là tự nhiên
			định hướng hành vi
49	phủ định	thực thể logic	có màu
			là vật chất
			loại trừ khẳng định
50	quyết định	quá trình	là hợp lý
			là có ý định
			ảnh hưởng kết quả
51	công lý	hệ thống	là công bằng

			trừng phạt kẻ vi phạm
			bảo vệ quyền
52	tri giác	quá trình tinh thần	là khái niệm
			có tính ý định
			là nhất thời
53	văn hóa	xã hội	ảnh hưởng chuẩn mực
			có hiện vật
			tạo bản sắc
54	thói quen	hành vi	là tự động
			có ý thức
			hình thành tính cách
55	cảm giác	tâm trí	là phổ quát
			có thể đo lường
			ảnh hưởng suy nghĩ

56	hư cấu	vật thể	là tưởng tượng
			có năng lực nhân quả
			tồn tại bên ngoài
57	trí nhớ	quá trình tinh thần	nảy sinh từ kinh nghiệm quá khứ
			là trình bày
			là tức thời
58	thời gian	chất liệu	có thể đo lường
			có thể nhìn thấy
			có khối lượng
59	ngôn ngữ	giao tiếp	là có cấu trúc
			là tự nhiên
			truyền đạt ý nghĩa
60	khái niệm	vũ trụ	được xây dựng trong tâm trí
			tồn tại bên ngoài

là không thay đổi

Bộ mục: Tam đoạn luận sai lầm

(Cấu trúc trong Bài tập 8, 9)

TĐ 1	Hữu pháp (HP)	Vi pháp (VP)	Dấu hiệu (DH)
1	cà phê	phi đồ uống	một loại hạt
2	bò	phi động vật	thịt
3	bò	lạc đà	có thể là bò lạc đà
4	vườn	cỏ	có cỏ
5	lạc đà	phi động vật có vú	một loại thuốc lá
6	áo khoác	phi quần áo	một chiếc áo khoác
7	cây	cây sồi	có cành và lá
8	ghế	bàn	thường dùng làm bàn cạnh giường
9	lỗi	phi sai cá nhân	
10	Toyota	phi xe hơi	chỉ là tên
11	nhà thơ	phi nhà văn	có thể là một máy tính

12	xe hơi	Tesla	điện
13	phương tiện	xe đạp	có hai bánh
14	dơi	chim	có thể bay
15	nhà	phi ngôi nhà	vô hình
16	cá voi	phi động vật có vú	sống dưới nước
17	nhạc cụ	đàn guitar	không tạo nhạc
18	thuyền	đại dương	nổi trên nước
19	mèo	phi động vật săn mồi	nuôi làm thú cưng
20	taxi	phi taxi	phương tiện có trả phí
21	xe hơi	tàu hỏa	có bánh xe
22	sự giàu có	phi nguyên nhân của hạnh phúc	một tư duy
23	đồ nội thất	thảm	sử dụng như đồ nội thất
24	nguyên nhân của khổ đau	tiền	được con người mong muốn

25	đèn lồng	ánh sáng	cung cấp ánh sáng
26	cảnh sát	phi nhân viên cảnh sát	thường mặc thường phục
27	trái cây	phi ngọt	chua
28	sự tức giận	phi cảm xúc	một cảm giác
29	hạnh phúc	phi có thể đạt được	không bao giờ vĩnh cửu
30	có khả năng bay	chim cánh cụt	có cánh
31	gà	có khả năng bay	có cánh
32	quốc gia	đất nước	phi được Liên Hợp Quốc công nhận
33	côn trùng	sinh vật gây hại	làm phiền con người
34	có thể thở được	phi không khí	oxy
35	cây sồi	cây thông	có lá kim
36	côn trùng	bọ	có sáu chân
37	tranh vẽ	phi tác phẩm nghệ thuật	trang trí

38	châu Âu	ngôn ngữ	được nói ở châu Âu
39	cử chỉ	phi giao tiếp	thực hiện mà không chú ý
40	nước	nồi hơi	nồi hơi nước
TĐ 2	**Hữu pháp (HP)**	**Vi pháp (VP)**	**Dấu hiệu (DH)**
41	trái táo đỏ	đỏ	được nhuộm màu
42	bài hát	phi giai điệu	không nhất thiết là giai điệu
43	email	tệp đính kèm	chứa tập tin
44	phi hành gia	không phải phi hành gia	được huấn luyện du hành vũ trụ
45	tâm trí	não	địa điểm suy nghĩ
46	tháp	hình dạng	có chiều cao
47	sóng âm	âm thanh	được nhận thức bởi tai
48	máy tính	thông minh	học tập
49	trí tuệ nhân tạo	học tập	cải thiện hiệu suất

50	tế bào	thông minh	phản ứng với kích thích
51	phi hành gia	phi du hành vũ trụ	di chuyển ra ngoài trái đất
52	cảnh sát	cảnh sát	mặc đồng phục
53	con người	công dân	có quyền
54	quốc gia	dân chủ	tổ chức bầu cử
55	ý thức	vật chất	có khối lượng
56	vũ trụ	được tạo ra	có khởi đầu
57	hạt	sóng	thể hiện giao thoa
58	thế giới	có khởi đầu	ra đời
59	lĩnh vực	lực	tạo ảnh hưởng
60	quả bóng	được xây dựng trong tâm trí	khái niệm hóa
61	bản ngã	xã hội	dựa vào xã hội
62	núi băng	khối băng	nước đông

63	khoa học	hiện tượng thần thoại	kể chuyện
64	trái đất	bao gồm nước	có đại dương
65	trải nghiệm	chủ quan	cá nhân
66	an ninh	cảm giác	chủ yếu được cảm nhận về mặt cảm xúc
67	cảm xúc	trong não	hoạt động thần kinh
68	chất liệu	phi vật chất	có thể là tâm trí
69	hạnh phúc	ý thức	được biết trực tiếp
70	sợ	hợp lệ	chức năng bảo vệ
TĐ 3	**Hữu pháp (HP)**	**Vi pháp (VP)**	**Dấu hiệu (DH)**
71	có thể tranh luận	phi thứ mà tâm trí có thể nghĩ	phi tồn tại
72	phi chậu	phi vàng	phần lớn không làm bằng vàng
73	phi tâm trí	vật chất	nhất thiết có khối lượng
74	một vật	phi một vật	có thể chia

75	phi một vật	phi thứ mà tâm trí có thể nghĩ	phi tồn tại
76	một vật	phi thứ mà tâm trí có thể nghĩ	chủ quan
77	phi chậu	phi cột	có thể là cột
78	phi hổ	phi sư tử	sư tử
79	phi có thể tranh luận	phi tồn tại	không thể tranh luận
80	chủ quan	không phải phi tâm trí	phi vật lý

PHỤ LỤC

Ví dụ điển hình về Tranh biện lý luận

1	*LG*	*Dhi, ji tar choe chen* *Màu sắc và đỏ làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa.*
	ĐLG	*Tại sao*
2	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Đồng nghĩa*
3	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là đỏ bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
4	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
5	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì không là đỏ bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
6	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Màu của quả táo đỏ*
7	*LG*	*Chứng tỏ, nếu không là màu sắc, thì là đỏ bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
8	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Cây*
9	*LG*	*Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là đỏ*
	ĐLG	*Tại sao*
10	*LG*	*Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là đỏ, vì nó là màu sắc*
	ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập*

11	*LG*	*Dấu hiệu nào không thành lập*
	ĐLG	*Màu của vỏ ốc trắng không phải là màu sắc*
12	*LG*	*Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là màu sắc, vì nó thích hợp để được biểu hiện như sắc*
	ĐLG	*Không bao hàm*
13	*LG*	*Cái gì không bao hàm*
	ĐLG	*Nếu là thích hợp để được biểu hiện như sắc, thì không là màu sắc bao hàm*
14	*LG*	*Có bao hàm, vì thích hợp để được biểu hiện như sắc là định nghĩa của màu sắc*
	ĐLG	*Đồng ý*
15	*LG*	*Xà!* *Chứng tỏ, nếu là thích hợp để được biểu hiện như sắc, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
16	*LG*	*Xà!* *Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là màu sắc, vì nó thích hợp để được biểu hiện như sắc*
	ĐLG	*Đồng ý*
17	*LG*	*Xà!* *Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là đỏ*
	ĐLG	*Tại sao*
18	*LG*	*Nó là đỏ, vì nó là màu sắc*
	ĐLG	*Đồng ý*

19	*LG*	*Xà!* *Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) không là đỏ*
	ĐLG	*Tại sao*
20	*LG*	*Vì nó là trắng*
	ĐLG	*Không bao hàm: Nếu là trắng, thì không là đỏ không bao hàm*
21	*LG*	*(Lấy) trắng và đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ có cùng một điểm chung*
	ĐLG	*Tại sao*
22	*LG*	*Chúng không có điểm chung vì sao thế?*
	ĐLG	*Vì nếu là trắng, thì không là đỏ bao hàm*
23	*LG*	*Xà!* *Màu của vỏ ốc trắng làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) không là đỏ*
	ĐLG	*Đồng ý*
24	*LG*	*Xà!* *Chứng tỏ, màu sắc và đỏ không phải là đồng nghĩa*
	ĐLG	*Đồng ý*
25	*LG*	*Xà!* *(Lấy) màu sắc và đỏ làm hữu pháp, phân biệt đó là gì*
	ĐLG	*Musum*
26	*LG*	*Cái nào bao hàm cái nào*
	ĐLG	*Nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm* *Nếu là màu sắc, thì là đỏ không bao hàm*

27	*LG*	*Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là đỏ không bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
28	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Màu của vỏ ốc trắng*
29	*LG*	*Quả táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là màu sắc*
	ĐLG	*Tại sao*
30	*LG*	*Vì nó là đỏ*
	ĐLG	*Dấu hiệu không thành lập: Quả táo đỏ không phải là đỏ*
31	*LG*	*Quả táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) không là đỏ*
	ĐLG	*Tại sao*
32	*LG*	*Thì là đỏ*
	ĐLG	*Đồng ý*
33	*LG*	*Xà!* *Quả táo đỏ làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) là màu sắc*
	ĐLG	*Tại sao*
34	*LG*	*Vì nó là đỏ*
	ĐLG	*Không bao hàm: Nếu là đỏ, thì là màu sắc không bao hàm*
35	*LG*	*Xà!* *Có phải không phải là nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Đồng ý*
36	*LG*	*Xà!* *Chứng tỏ, màu sắc và đỏ không phải là musum*
	ĐLG	*Đồng ý*

37	*LG*	*Xà!* *Đặt mối quan hệ của chúng*
	ĐLG	*Mushi*
38	*LG*	*Xà!* *Chứng tỏ, nếu là màu sắc, thì là đỏ bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
39	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Trắng*
40	*LG*	*Xà!* *Chứng tỏ, nếu là đỏ, thì là màu sắc bao hàm*
	ĐLG	*Tại sao*
41	*LG*	*Hãy kể*
	ĐLG	*Quả táo đỏ*
42	*LG*	*...*

Bảng gian lận: Mệnh đề bao hàm

Chứng tỏ...	→	Nói cách đơn giản
1. nếu là **A**, thì là **B** bao hàm	→	Tất cả ví dụ **A** đều là **B**
2. nếu là **B**, thì là **A** bao hàm	→	Tất cả ví dụ **B** đều là **A**
3. nếu là **A**, thì không là **B** bao hàm	→	Không có điểm chung **AB**
4. nếu không là **A**, thì là **B** bao hàm	→	Không có cái gì ngoài **A** và **B**

Bảng gian lận: Phân biệt

	Đồng ý	Tại sao	Phản ví dụ
1.	• Đồng nghĩa • Musum: **B** bao hàm **A**	• Tương nghịch • Musum: **A** bao hàm **B** • Mushi	là **A** không là **B**
2.	• Đồng nghĩa • Musum: **A** bao hàm **B**	• Tương nghịch • Musum: **B** bao hàm **A** • Mushi	là **B** không là **A**
3.	• Tương nghịch	• Đồng nghĩa • Musum • Mushi	vừa là **A** vừa là **B**
4.	Tất cả 4 điểm phân biệt	Tất cả 4 điểm phân biệt –	không là **A** không là **B**

Bảng gian lận: Hệ quả

Đáp lại lập trường	→	**ĐLG nghĩ rằng**		
Tại sao	→	**HP** không là **VP**		
Đồng ý	→	**HP** là **VP**		
Đáp lại tam đoạn luận	→	**ĐLG nghĩ rằng**		
Dấu hiệu không thành lập	→	**HP** không là **VP**	+	**HP** không là **DH**
Không bao hàm	→	**HP** không là **VP**	+	**HP** là **DH**
Đồng ý	→	**HP** là **VP**	+	**HP** là **DH**

Lưu đồ: Phân biệt sự bao hàm

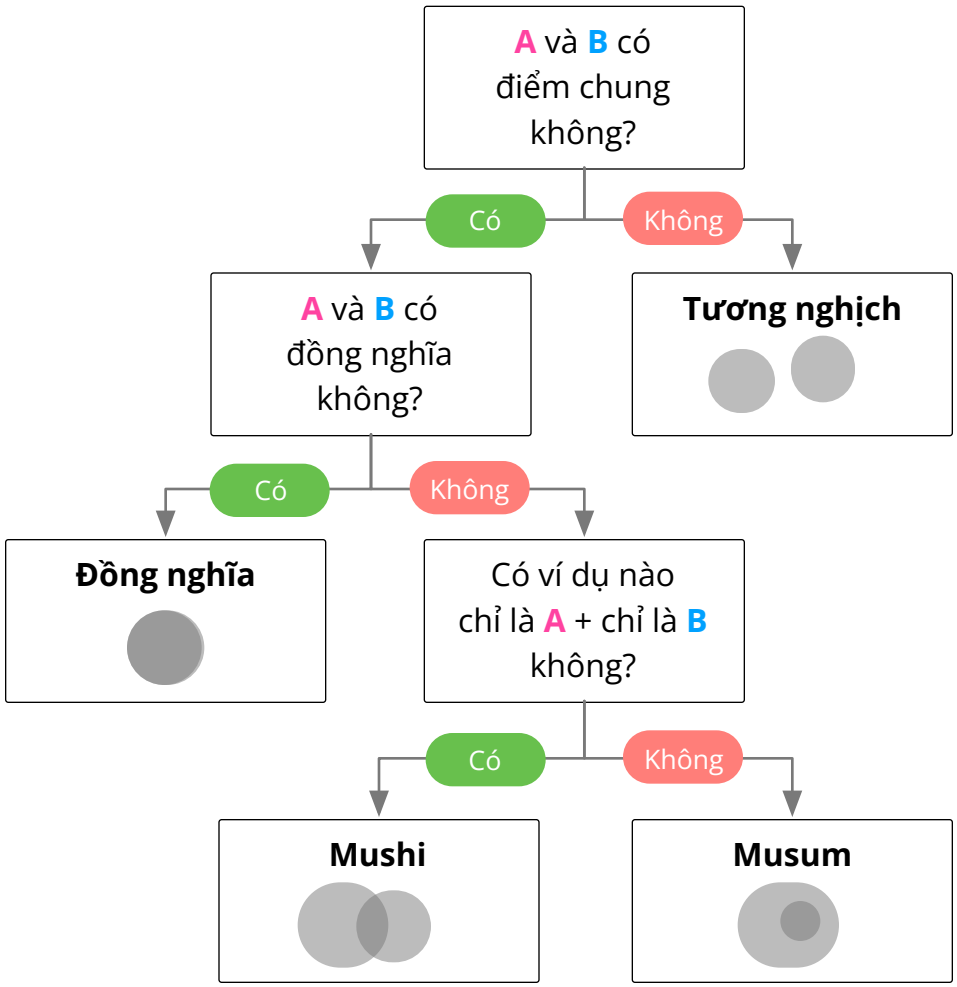

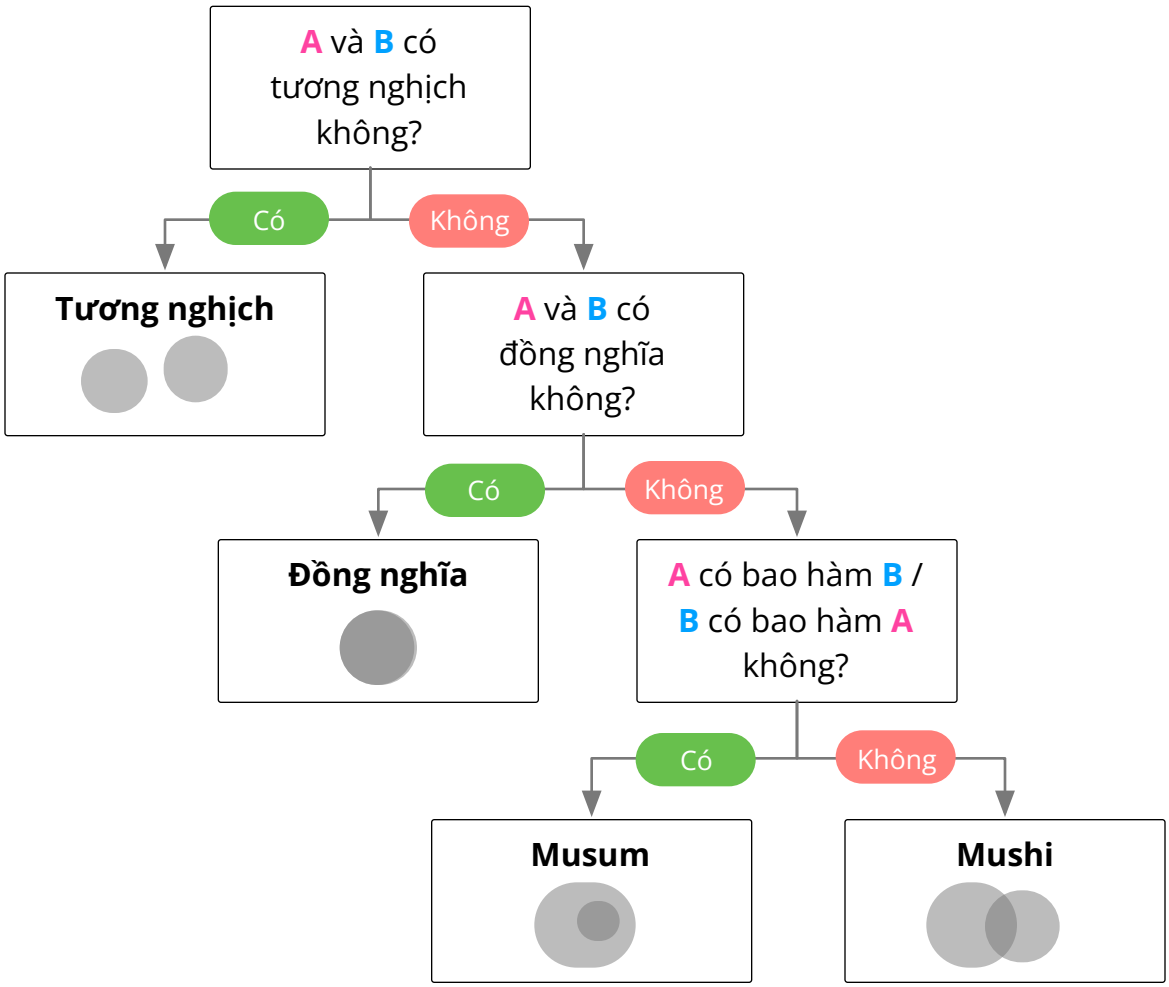
A và B có tương nghịch không?
Có
Không
Tương nghịch
A và B có đồng nghĩa không?
Có
Không
Đồng nghĩa
A có bao hàm B / B có bao hàm A không?
Có
Không
Musum
Mushi

Lưu đồ: Mệnh đề bao hàm

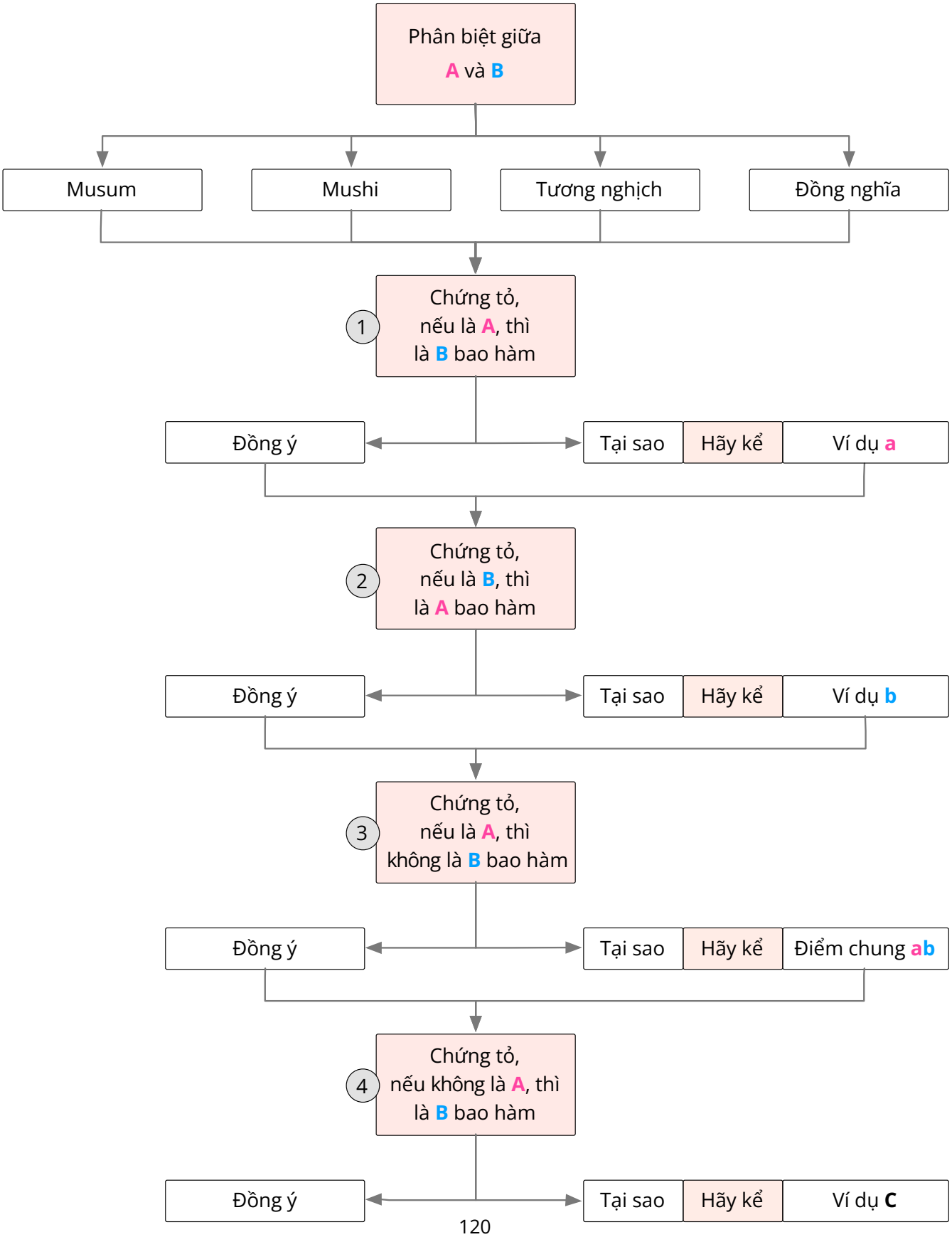

Lưu đồ: Tam đoạn luận

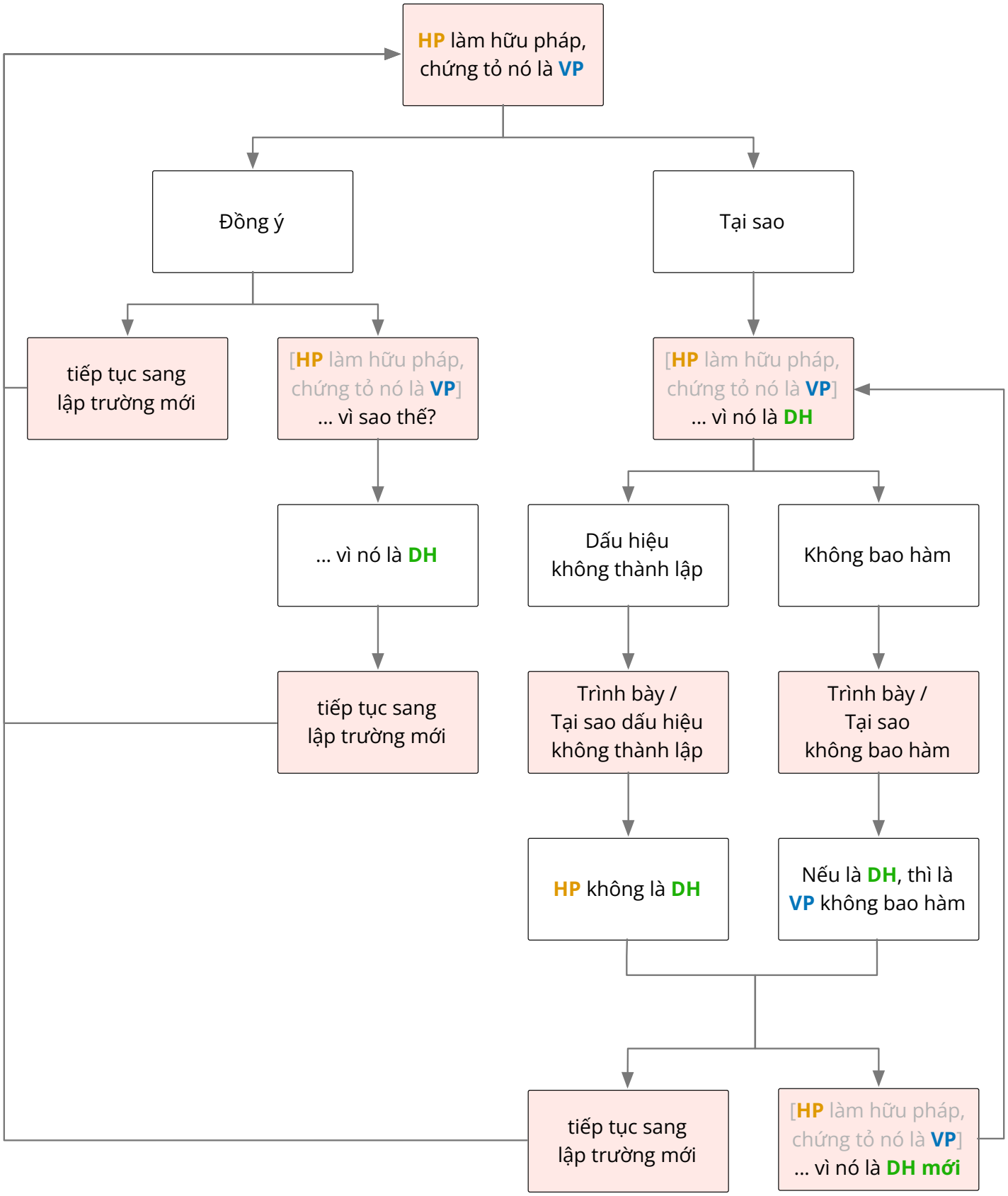

Tranh biện Tây Tạng từng từ một

	Tiếng Tây Tạng & Dịch từng từ một
1	བྱུམ་པ་དང་གསེར་ གཉིས་ལ་ སུ་གསུམ། སུ་བཞི། འགལ་བ། དོན་གཅིག་
	Bình và vàng hai cho musum mushi tương nghịch đồng nghĩa
	གང་རུང་གི་ སྐོ་ནས་ ཁྱད་པར་ མེད་པའི་ ཕྱིར།
	dù cái nào-của quan điểm-từ bị phân biệt không có-của vì
2	བྱུམ་པ་ཡིན་ན། གསེར་ཡིན་པས་ ཁྱབ་པར་ ཐལ།
	Bình là-nếu vàng là-bởi bị bao hàm hệ quả
3	གསེར་ཡིན་ན། བྱུམ་པ་ཡིན་པས་ ཁྱབ་པར་ ཐལ།
	Vàng là-nếu bình là-bởi bị bao hàm hệ quả
4	བྱུམ་པ་ཡིན་ན། གསེར་མ་ཡིན་པས་ ཁྱབ་པར་ ཐལ།
	Bình là-nếu vàng không là-bởi bị bao hàm hệ quả
5	བྱུམ་པ་མ་ཡིན་ན། གསེར་ཡིན་པས་ ཁྱབ་པར་ ཐལ།
	Bình không là-nếu vàng là-bởi bị bao hàm hệ quả

Dịch nghĩa đen → ***Quy ước Khóa học Tranh biện này***

Cho hai, bình và vàng, musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa (không có), bởi vì, theo bất kỳ nào, sự phân biệt không có.

(Lấy) bình và vàng làm hữu pháp, bạn không thể phân biệt đó là musum, mushi, tương nghịch, đồng nghĩa / Phân biệt giữa bình và vàng

Hệ quả là: nếu là bình, thì bị bao hàm bởi là vàng.

Chứng tỏ, nếu là bình, thì là vàng bao hàm (nó).

Hệ quả là: nếu là vàng, thì bị bao hàm bởi là bình.

Chứng tỏ, nếu là vàng, thì là bình bao hàm (nó).

Hệ quả là: nếu là bình, thì bị bao hàm bởi không là vàng.

Chứng tỏ, nếu là bình, thì không là vàng bao hàm (nó).

Hệ quả là: nếu không là bình, thì bị bao hàm bởi là vàng.

Chứng tỏ, nếu không là bình, thì là vàng bao hàm (nó).

	Tiếng Tây Tạng & Dịch từng từ một
6	ཅིའི་ ཕྱིར། Gì-của do đó,
7	ཞོག Đặt định
8	བུམ་པའི་མཚན་ཉིད་ བཞག་རྒྱུ་ མེད་པའི་ ཕྱིར། Bình-của đặc tính được đặt định không có-của vì
9	ལྟོ་ལྡིར་ཞབས་ཞུམ་ ཆུ་སྐྱོར་གྱི་ དོན་བྱེད་ནུས་པ། Bụng phình đế bằng nước bao quanh-của ý nghĩa làm khả năng བུམ་པའི་མཚན་ཉིད་ ཡིན་ ཏེ། bình-của đặc tính là (liên từ chỉ sự tiếp tục)
10	མེ་ཏོག་ ཆོས་ཅན། གསེར་ མ་ཡིན་པར་ ཐལ། Hoa pháp-có, vàng không-là-do hệ quả

Dịch nghĩa đen → ***Quy ước Khóa học Tranh biện này***

Do cái gì?

Tại sao?

Đặt định

Hãy kể / (Hãy) kể ra.

Định nghĩa của bình không được đặt định vì (nó) không có.

Bạn không thể kể ra định nghĩa cho bình. / Kể ra định nghĩa cho bình.

"Vật có bụng phình, đế bằng, có thể thực hiện chức năng chứa nước"

là định nghĩa của cái bình, vì...?

"Vật có bụng phình, đế bằng, có thể chứa nước"

là định nghĩa của cái bình, vì sao thế / tại sao?

Hữu pháp hoa, hệ quả là: không là vàng.

(Lấy) hoa làm hữu pháp, chứng tỏ (nó) không là vàng.

	Tiếng Tây Tạng & Dịch từng từ một
11	འདོད།
	Đồng ý / Chấp nhận
12	འདོད་ ལན་ རྟེས།
	Đồng ý đáp án kể lại
13	མེ་ཏོག་ དེ་ གསེར་ མ་ཡིན་པར་ འདོད།
	Hoa đó vàng không-là-do đồng ý / chấp nhận
14	རྟགས་ མ་གྲུབ།
	Dấu hiệu không thành lập
15	རྟགས་ ལན་ རྟེས།
	Dấu hiệu đáp án kể lại
16	མེ་ཏོག་ དེ་ གསེར་ ཡིན་པར་ རྟགས་ མ་གྲུབ།
	Hoa đó vàng là-do dấu hiệu không thành lập

Dịch nghĩa đen → ***Quy ước Khóa học Tranh biện này***

Đồng ý

Đồng ý.

Kể lại câu đáp án đồng ý (của bạn).

(Không được sử dụng trong khóa học tranh biện này)

(Tôi) đồng ý (là) hoa đó không là vàng.

(Không được sử dụng trong khóa học tranh biện này)

Dấu hiệu không thành lập.

Dấu hiệu không thành lập.

Kể lại câu đáp án dấu hiệu (của bạn).

Trình bày / Tại sao dấu hiệu không thành lập?

Dấu hiệu cho rằng hoa là vàng không được thành lập.

(Vì) hoa không (phải) là vàng.

	Tiếng Tây Tạng & Dịch từng từ một
17	ཁྱབ་པ་ ཡ་བྱུང་། / ཡ་ཁྱབ།
	Sự bao hàm không xảy ra / Không bao hàm
18	ཁྱབ་པ་ སྟོང་།
	Sự bao hàm diễn giải
19	ཁ་དོག་ཡིན་ན། དམར་པོ་ཡིན་པས་ ཡ་ཁྱབ།
	Màu sắc là-nếu đỏ không là-bởi không bao hàm

Dịch nghĩa đen → ***Quy ước Khóa học Tranh biện này***

Sự bao hàm không xảy ra / Không bao hàm.

Không bao hàm.

Diễn giải sự bao hàm

Trình bày / Tại sao không bao hàm?

Nếu là màu sắc, thì không bị bao hàm bởi là đỏ.

(Vì) nếu là màu sắc, thì là đỏ không bao hàm (nó).